# CHƯƠNG 1

# NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

# I. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

# Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo hai nghĩa: Theo nghĩa rộng, CNXHKH là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải từ các giác độ triết học, kinh tế chính trị và chính trị - xã hội về sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ CNTB lên CNXH và CNCS.

# Theo nghĩa hẹp, CNXHKH là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

# 1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học

# *a. Điều kiện kinh tế - xã hội*

# - Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ tạo nên nền đại công nghiệp. Nền đại công nghiệp cơ khí làm cho phương thức sản xuất TBCN có bước phát triển vượt bậc. Cùng với quá trình đó là sự ra đời hai giai cấp cơ bản, đối lập về lợi ích, nhưng nương tựa vào nhau: giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Cũng từ đây cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự thống trị áp bức của giai cấp tư sản, biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn ngày càng quyết liệt giữa lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội và quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất. Do đó, nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh đã bắt đầu và từng bước có tổ chức trên quy mô rộng khắp.

# - Sự phát triển nhanh chóng có tính chính trị công khai của phong trào công nhân đã minh chứng, lần đầu tiên, giai cấp công nhân đã xuất hiện như một lực lượng chính trị độc lập với những yêu sách kinh tế, chính trị riêng của mình và đã bắt đầu hướng thẳng mũi nhọn cuộc đấu tranh vào kẻ thù của mình là giai cấp tư sản. Sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đòi hỏi một cách bức thiết phải có một hệ thống lý luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động.

# Điều kiện kinh tế - xã hội ấy không chỉ đặt ra yêu cầu đối với các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời một lý luận mới tiến bộ - chủ nghĩa xã hội khoa học.

# *b. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận*

# - Tiền đề khoa học tự nhiên

# Trong khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng: Học thuyết Tiến hóa; Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; Học thuyết tế bào. Những phát minh này là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập CNXHKH nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị - xã hội đương thời.

# - Tiền đề tư tưởng lý luận

# Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó có triết học cổ điển Đức với tên tuổi của các nhà triết học vĩ đại: Ph.Hêghen (1770 - 1831) và L.Phoiơbắc (1804 - 1872); kinh tế chính trị cổ điển Anh với A.Smith (1723 - 1790) và D.Ricardo (1772 - 1823); chủ nghĩa không tưởng phê phán mà đại biểu là Xanhximông (1760 - 1825), S.Phuriê (1772 - 1837) và R.O-en (1771 - 1858).

# Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp đã có những giá trị nhất định:

# Thể hiện tình thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột, của cải khánh kiệt, đạo đức đảo lộn, tội ác gia tăng.

# Đã đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai: về tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội, vai trò của công nghiệp và khoa học kỹ thuật; yêu cầu xóa bỏ sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc; về sự nghiệp giải phóng phụ nữ và về vai trò lịch sử của nhà nước…

# Chính những tư tưởng có tính phê phán và sự dấn thân trong thực tiễn của cá nhà XHCN không tưởng, trong chừng mực, đã thức tỉnh giai cấp công nhân và người lao động trong cuộc đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ TBCN đầy bất công, xung đột.

# Tuy nhiên, những tư tưởng XHCN không tưởng phê phán còn không ít những hạn chế chẳng hạn, không phát hiện ra được quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung; bản chất, quy luật vận động, phát triển của CNTB nói riêng; không phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ CNTB lên CNCS, giai cấp công nhân; không chỉ ra những biện pháp hiện thực cải tạo xã hội áp bức, bất công đương thời, xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Song vượt lên tất cả, những giá trị khoa học, cống hiến của các nhà tư tưởng đã tạo ra tiền đề tư tưởng-lý luận, để C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa những hạt nhân hợp lý, lọc bỏ những bất hợp lý, xây dựng và phát triển CNXHKH.

# 2. Vai trò của C.Mác và Ph. Ăng ghen

# *a. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị*

# - Thoạt đầu khi bước vào hoạt động khoa học C.Mác và Ph.Ăngghen là những thành viên tích cực của câu lạc bộ Hêghen trẻ và chịu ảnh hưởng của quan điểm triết học Ph.Hêghen và L.Phoiơbắc.Với nhãn quan khoa học uyên bác, các ông đã sớm nhận thấy những mặt tích cực và hạn chế trong triết học của Ph.Hêghen và L.Phoiơbắc. C.Mác và Ph.Ăngghen đã kế thừa “cái hạt nhân hợp lý”, cải tạo và loại bỏ cái vỏ thần bí duy tâm, siêu hình để xây dựng nên lý thuyết mới chủ nghĩa duy vật biện chứng.

# - Với C.Mác, từ cuối năm 1843 đến tháng 4/1844, thông qua tác phẩm “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghên – Lời nói đầu (1844)”, đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường CSCN.

# - Đối với Ph.Ăngghen, từ năm 1842 với tác phẩm “Tình cảnh nước Anh”; “Lược khảo khoa kinh tế-chính trị” đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường CSCN. Chỉ trong một thời gian ngắn (1842 -1848) vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu khoa học C.Mác và Ph.Ăngghen đã thể hiện quá trình chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị và từng bước củng cố, dứt khoát, kiên định, nhất quán và vững chắc lập trường đó.

# *b. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen*

# - Chủ nghĩa duy vật lịch sử

# Trên cơ sở kế thừa “cái hạt nhân hợp lý” của phép biện chứng và lọc bỏ quan điểm duy tâm, thần bí của triết học Ph.Hêghen; kế thừa những giá trị duy vật và loại bỏ quan điểm siêu hình của Triết học L.Phoiơbắc, đồng thời nghiên cứu nhiều thành tựu khoa học tự nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập chủ nghĩa duy vật biện chứng, thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Bằng phép biện chứng duy vật, nghiên cứu CNTB, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử - phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen là sự khẳng đinh về mặt triết học sự sụp đổ của CNTB và sự thắng lợi của CNXH đều tất yếu như nhau.

# - Học thuyết giá trị thặng dư

# Từ việc phát hiện ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đi sâu nghiên cứu nền sản xuất công nghiệp và nền kinh tế TBCN đã sáng tạo ra bộ “Tư bản”, mà giá trị to lớn nhất của nó là “Học thuyết về giá trị thặng dư” - phát kiến vĩ đại thứ hai của C.Mác và Ph.Ăngghen là sự khẳng định về phương diện kinh tế sự diệt vong không tránh khỏi của CNTB và sự ra đời tất yếu của CNXH.

# - Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân

# Trên cơ sở hai phát kiến vĩ đại là chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư, C.Mác và Ph.Ăngghen đã có phát kiến vĩ đại thứ ba, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu CNTB, xây dựng thành công CNXH và CNCS.

# *c. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của CNXHKH*

# *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là tác phẩm kinh điển chủ yếu của CNXHKH. Đó là cương lĩnh chính trị, là kim chỉ nam cho hành động của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Chính *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã nêu và phân tích một cách có hệ thống lịch sử và logic hoàn chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất, đầy đủ, xúc tích và chặt chẽ nhất thâu tóm hầu như toàn bộ những luận điểm của CNXHKH, tiêu biểu và nổi bật là những luận điểm:

# - Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân trong lịch sử loài người đã phát triển đến một giai đoạn mà giai cấp công nhân không tự giải phóng mình nếu như không đồng thời giải phóng vĩnh viễn xã hội ra khỏi tình trạng phân chia giai cấp, áp bức, bóc lột và đấu tranh giai cấp. Song giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức ra chính đảng của giai cấp, Đảng được hình thành và phát triển xuất phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

# - Lôgic phát triển tất yếu của xã hội tư sản và cũng là của thời đại TBCN đó là sự sụp đổ của CNTB và sự thắng lợi của CNXH là tất yếu như nhau.

# - Giai cấp công nhân, do có địa vị kinh tế - xã hội đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, có sứ mệnh lịch sử thủ tiêu CNTB, đồng thời là lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng CNXH, CNCS.

# - Những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống CNTB, cần phải thiết lập sự liên minh với các lực lượng dân chủ để đánh đổ chế độ phong kiến chuyên chế, đồng thời không quên đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng là CNCS.Những người cộng sản phải tiến hành cách mạng không ngừng nhưng phải có chiến lược, sách lược khôn khéo và kiên quyết.

# II. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học

# 1. C.Mác và Ph. Ăng ghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học

# *a. Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871)*

Đây là thời kỳ của những sự kiện của cách mạng dân chủ tư sản ở các nước Tây Âu (1848-1852): Quốc tế I thành lập (1864); tập I bộ Tư bản của C.Mác được xuất bản (1867). V.I.Lênin cũng khẳng định: “Bộ tư bản” là tác phẩm chủ yếu và cơ bản trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học”[[1]](#footnote-1).Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cuộc cách mạng 1848-1852 của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen tiếp tục phát triển thêm nhiều nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học: tư tưởng về cách mạng không ngừng bằng sự kết hợp giữa đấu tranh của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân; xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và xem đó là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho cuộc cách mạng phát triển không ngừng để đi tới mục tiêu cuối cùng.

*b. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895*

- Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học: Bổ sung và phát triển tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước quan liêu, không đập tan toàn bộ bộ máy nhà nước tư sản nói chung. Đồng thời cũng thừa nhận Công xã Pari là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân, rốt cuộc, đã tìm ra.

- Trong tác phẩm “Chống Đuyrinh” (1878), khi luận chứng về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học, Ph.Ăngghen đã phân tích và chỉ rõ những điểm tích cực, tiến bộ mà các ông kế thừa trong học thuyết của ba nhà không tưởng vĩ đại của thế kỉ XIX để hình thành Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Khẳng định Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác, các ông đã nêu ra nhiệm vụ nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu chính ngay bản chất của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp công nhân hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ.

C.Mác và Ph.Ăngghen không bao giờ tự cho học thuyết của mình là một hệ thống giáo điều, “nhất thành bất biến”, trái lại, nhiều lần hai ông chỉ rõ đó chỉ là những “gợi ý” cho mọi suy nghĩ và hành động. Các ông yêu cầu phải tiếp tục bổ sung và phát triển CNXHKH phát triển CNXHKH phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

**2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới**

*a. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga*

Trên cơ sở phân tích và tổng kết một cách nghiêm túc các sự kiện lịch sử diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản tháng Mười, V.I.Lênin đã bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học trên một số khía cạnh sau:

- Đấu tranh chống các trào lưu phi mác xít (chủ nghĩa dân túy tự do, phái kinh tế, phái mác xít hợp pháp) nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác, mở đường cho chủ nghĩa Mác thâm nhập mạnh mẽ vào Nga;

- Kế thừa những di sản lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen về chính đảng, V.I.Lênin đã xây dựng lý luận về đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của đảng;

- Kế thừa, phát triển tư tưởng cách mạng không ngừng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã hoàn chỉnh lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và các điều kiện tất yếu cho sự chuyển biến sang cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề mang tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa; vấn đề dân tộc và cương lĩnh dân tộc, đoàn kết và liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và các tầng lớp lao động khác; những vấn đề về quan hệ quốc tế và chủ nghĩa quốc tế vô sản, quan hệ cách mạng xã hội chủ nghĩa với phong trào giải phóng dân tộc.

- Phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở những nghiên cứu, phân tích về chủ nghĩa đế quốc, V.I.Lênin phát hiện ra quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc và đi đến kết luận: cách mạng vô sản có thể thắng lợi ở một số nước hay thậm chí ở một nước riêng lẻ, nơi chủ nghĩa tư bản chưa phải là phát triển nhất, nhưng là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền tư bản chủ nghĩa.

- V.I.Lênin đã dành nhiều tâm huyết luận giải về chuyên chính vô sản, xác định bản chất dân chủ của chế độ chuyên chính vô sản; phân tích mối quan hệ giữa chức năng thống trị và chức năng xã hội của chuyên chính vô sản. Ông người đầu tiên nói đến phạm trù hệ thống chuyên chính vô sản, bao gồm hệ thống của Đảng Bônsêvic lãnh đạo, Nhà nước Xô viết quản lý và tổ chức công đoàn.

- Gắn hoạt động lý luận với thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin trực tiếp lãnh đạo Đảng của giai cấp công nhân Nga tập hợp lực lượng đấu tranh chống chế độ chuyên chế Nga hoàng, tiến tới giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga.

*b. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đến năm 1924*

Ngay sau khi cách mạng thắng lợi, V.I.Lênin đã viết nhiều tác phẩm quan trọng bàn về những nguyên lý của Chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ mới tiêu biểu là những luận điểm:

- *Chuyên chính vô sản*, theo V.LLênin, là một hình thức nhà nước mới - nhà nước dân chủ, dân chủ đối với những người vô sản và nói chung những người không có của và chuyên chính chống giai cấp tư sản. Cơ sở và nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản là sự liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và toàn thể nhân dân lao động cũng như các tầng lớp lao động khác dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để thực hiện nhiệm vụ cơ bản của chuyên chính vô sản là thủ tiêu mọi chế độ người bóc lột người, là xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.* Phê phán các quan điểm của kẻ thù xuyên tạc về bản chất của chuyên chính vô sản chung quy chỉ là bạo lực, V.I.Lênin đã chỉ rõ: chuyên chính vô sản... không chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột và cũng không phải chủ yếu là bạo lực... là việc giai cấp công nhân đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn so với chủ nghĩa tư bản, đấy là nguồn sức mạnh, là điều đảm bảo cho thắng lợi hoàn toàn và tất nhiên của chủ nghĩa cộng sản. V.I.Lênin đã nêu rõ: chuyên chính vô sản là một cuộc đấu tranh kiên trì, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và bằng kinh tế, bằng giáo dục và bằng hành chính, chống những thế lực và những tập tục của xã hội cũ.

- *Về chế độ dân chủ*, V.I.Lênin khẳng định: chỉ có dân chủ tư sản hoặc dân chủ xã hội chủ nghĩa, không có dân chủ thuần tuý hay dân chủ nói chung. Sự khác nhau căn bản giữa hai chế độ dân chủ này là chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần; chính quyền Xô viết so với nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất thì cũng dân chủ hơn gấp triệu lần.

- *Về cải cách hành chính bộ máy nhà nước* sau khi đã bước vào thời kỳ xây dựng xã hội mới, V.I.Lênin cho rằng, trước hết, phải có một đội ngũ những người cộng sản cách mạng đã được tôi luyện và tiếp sau là phải có bộ máy nhà nước tinh, gọn, không hành chính, quan liêu.

- *Về cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội* ở nước Nga; V.I.Lênin nêu ra nhiều luận điểm khoa học độc đáo: cần có những bước quá độ nhỏ trong thời kỳ quá độ nói chung lên chủ nghĩa xã hội; giữ vững chính quyền Xô viết thực hiện điện khí hóa toàn quốc; xã hội hóa những tư liệu sản xuất cơ bản theo hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền công nghiệp hiện đại; điện khí hóa nền kinh tế quốc dân; cải tạo kinh tế tiểu nông theo những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa; thực hiện cách mạng vănhóa... Bên cạnh đó là việc sử dụng rộng rãi hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước để dần dần cải tiến chế độ sỡ hữu của các nhà tư bản hạng trung và hạng nhỏ thành sở hữu công cộng. Cải tạo nông nghiệp bằng con đường hợp tác xã theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền công nghiệp hiện đại và điện khí hóa là cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; học chủ nghĩa tư bản về kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý kinh tế, trình độ giáo dục; sử dụng các chuyên gia tư sản; cần phải phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, V.I.Lênin nhấn mạnh, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cần thiết phải phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

- V.I.Lênin đặc biệt coi trọng vấn đề dân tộc trong hoàn cảnh đất nước có rất nhiều tộc người. Ba nguyên tắc cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc: Quyền bình đẳng dân tộc; quyền dân tộc tự quyết và tình đoàn kết của ở giai cấp vô sản thuộc tất cả các dân tộc; Giai cấp vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại...

**3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay**

*a. Thời kỳ từ năm 1924 đến trước năm 1991*

Sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ sau Lênin, có thể được khái quát như sau:

- Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Matxcơva tháng 11-1957 đã tổng kết và thông qua 9 quy luật chung của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặc dù, về sau do sự phát triển của tình hình thế giới, những nhận thức đó đã bị lịch sử vượt qua, song đây cũng là sự phát triển và bổ sung nhiều nội dung quan trọng cho chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ mới.

- Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế cũng họp ở Matxcơva vào tháng giêng năm 1960 đã phân tích tình hình quốc tế và những vấn đề cơ bản của thế giới, đưa ra khái niệm về “thời đại hiện nay”; xác định nhiệm vụ hàng đầu của các Đảng Cộng sản và công nhân là bảo vệ và củng cố hòa bình ngăn chặn bọn đế quốc hiếu chiến phát động chiến tranh thế giới mới; tăng cường đoàn kết phong trào cộng sản đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

- Sau Hội nghị Matxcơva năm 1960, hoạt động lí luận và thực tiễn của các Đảng Cộng sản và công nhân được tăng cường hơn trước. Tuy nhiên, trong phong trào cộng sản quốc tế, trên những vấn đề cơ bản của cách mạng thế giới vẫn tồn tại những bất đồng sâu sắc và vẫn tiếp tục diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người theo chủ nghĩa Mác - Lênin với những người theo chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều biệt phái.

- Đến những năm cuối của thập niên 80 đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, do nhiều tác động tiêu cực, phức tạp từ bên trong và bên ngoài, mô hình của chế độ xã hội chủ nghĩa của Liên Xô và Đông Âu lần lượt sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã, chủ nghĩa xã hội đứng trước một thử thách đòi hỏi phải vượt qua.

*b. Từ năm 1991 đến nay*

- Trên thế giới, sau sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, chỉ còn một số nước xã hội chủ nghĩa hoặc nước có xu hướng tiếp tục theo chủ nghĩa xã hội, do một Đảng Mác - Lênin lãnh đạo. Vì vậy, đã diễn ra nhiều chiến dịch tấn công của các thế lực thù địch nhằm phủ định sạch trơn chủ nghĩa xã hội, rằng chủ nghĩa xã hội đã cáo chung... Song từ bản chất khoa học, sáng tạo và cách mạng, chủ nghĩa xã hội mang sức sống của qui luật lịch sử đã và sẽ tiếp tục có bước phát triển mới. Những Đảng Mác - Lênin còn lại tiếp tục kiên trì hệ tư tưởng Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, từng bước giữ ổn định để cải cách, đổi mới và phát triển: Trung Quốc, Việt Nam…

- Trung Quốc tiến hành cải cách, mở cửa từ năm 1978 đã thu được những thành tựu đáng ghi nhận, cả về lý luận và thực tiễn. Công cuộc cải cách mở của ở Trung Quốc cũng còn nhiều vấn đề cần trao đổi, bàn cãi. Song qua 40 năm thực hiện, Trung Quốc đã trở thành cường quốc kinh tế thế giới.

- Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI (1986) đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, đóng góp to lớn vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin:

+ Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH;

+ Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế là trung tâm;

+ Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, tăng cường vai trò kiến tạo, quản lý của Nhà nước;

+ Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN;

+ Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh của mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân;

+ Mở rộng quan hệ đối ngoại, thực hiện hội nhập quốc tế;

+ Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ thực tiễn hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại.

**III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học**

**1. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học**

- Với tư cách là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội khoa học, học thuyết chính trị - xã hội, trực tiếp nghiên cứu sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những điều kiện, những con đường để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Hơn nữa, dựa trên nền tảng lý luận chung và phương pháp luận của Triết học và Kinh tế chính trị học mác-xít, Chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ ra những luận cứ chính trị - xã hội rõ ràng, trực tiếp nhất để chứng minh, khẳng định sự thay thế tất yếu của chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội, khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chỉ ra những con đường, các hình thức và biện pháp để tiến hành cải tạo xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa...

- Nhiệm vụ vô cùng quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học là phê phán đấu tranh bác bỏ những trào lưu tư tưởng chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ những luận giải trên có thể khái quát, đối tượng của chủ nghĩa xã hội khoa học: là những qui luật tính qui luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hộivàchủ nghĩa cộng sản.

**2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học**

- Chủ nghĩa xã hội khoa học sử dụng phương pháp luận khoa học chung nhất là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác – Lênin, luận giải đúng đắn, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về quá trình phát sinh, hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và các khái niệm, phạm trù, các nội dung khác của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Trên cơ sở phương pháp luận chung đó, chủ nghĩa xã hội khoa học đặc biệt chú trọng sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp kết hợp lôgic và lịch sử, phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể là phương pháp có tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học, các phương pháp có tính liên ngành như: phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, sơ đồ hoá, mô hình hoá, v.v. để nghiên cứu những khía cạnh chính trị - xã hội của các mặt hoạt động trong một xã hội còn giai cấp, đặc biệt là trong chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa xã hội, trong đó có thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Ngoài ra, chủ nghĩa xã hội khoa học còn gắn bó trực tiếp với phương pháp tổng kết thực tiễn, nhất là thực tiễn về chính trị - xã hội đề từ đó rút ra những vấn đề lý luận có tính qui luật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia cũng như của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

**3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học**

a. Về mặt lý luận

- Cũng như triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là ở chỗ cải tạo thế giới theo qui luật khách quan, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần định hướng chính trị - xã hội cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học giúp chúng ta có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đối với Đảng ta, Nhà nước, chế độ ta; chống chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

b. Về mặt thực tiễn

- Bất kỳ một lý thuyết khoa học nào, đặc biệt là các khoa học xã hội, cũng luôn có khoảng cách nhất định so với thực tiễn, nhất là những dự báo khoa học có tính quy luật. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học càng thấy rõ những khoảng cách đó, bởi vì chủ nghĩa xã hội trên thực tế, chưa có nước nào xây dựng hoàn chỉnh. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, cùng với thoái trào của phong trào cách mạng thế giới, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa Mác - Lênin của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân có giảm sút. Đó là một thực tế. Vì thế, nghiên cứu, học tập và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học càng khó khăn trong tình hình hiện nay và cũng có ý nghĩa chính trị cấp bách.

- Chỉ có bản lĩnh vững vàng và sự sáng suốt, kiên định chủ động sáng tạo tìm ra những nguyên nhân cơ bản và bản chất của những sai lầm, khuyết điểm, khủng hoảng, đổ vỡ và của những thành tựu to lớn trước đây cũng như của những thành quả đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa. Thấy rõ thực chất những vấn đề đó một cách khách quan, khoa học; đồng thời được minh chứng bởi thành tựu rực rỡ của sự nghiệp đổi mới, cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, chúng ta càng củng cố bản lĩnh kiên định, tự tin tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân đã lựa chọn

- Việc nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, lý luận chính trị-xã hội nói riêng và các khoa học khác... càng là vấn đề thực tiễn cơ bản và cấp thiết. Xây dựng, chỉnh đốn đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, dao động, thoái hoá, biến chất trong đảng và cả xã hội, giáo dục lý luận chính trị - xã hội một cách cơ bản khoa học là góp phần củng cố niềm tin thật sự đối với chủ nghĩa xã hội... cho cán bộ, học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên và nhân dân.

- Chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần quan trọng vào việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Niềm tin khoa học được hình thành trên cơ sở nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở nhận thức khoa học, thông qua giáo dục, hoạt động thực tiễn mà niềm tin được hình thành, phát triển. Niềm tin khoa học là sự thống nhất giữa nhận thức, tình cảm, ý chí và quyết tâm trở thành động lực tinh thần hướng con người đến hoạt động thực tiễn một cách chủ động, tự giác, sáng tạo và cách mạng.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Phân tích điều kiện kinh tế - xã hội và vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen trong việc hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học?

2. Phân tích vai trò của V.I.Lênin trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học?

3. Phân tích đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học? So sánh với đối tượng của triết học?

4. Phân tích những đóng góp về lý luận chính trị - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 35 năm đổi mới?

**Chương2**

**SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN**

**I. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân**

**1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp côngnhân**

*a. Khái niệm giai cấp công nhân*

C.Mác và Ph.Ăngghen đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để trình bày quan niệm của mình về giai cấp công nhân như: giai cấp vô sản, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân cơ khí, giai cấp công nhân đại công nghiệp... Đó là những cụm từ đồng nghĩa để chỉ giai cấp công nhân - con đẻ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến và phương thức sản xuất hiện đại.

Dù diễn đạt bằng những thuật ngữ khác nhau, song giai cấp công nhân được các nhà kinh điển xác định theo hai phương diện cơ bản:

*- Về phương diện kinh tế - xã hội*

Là sản phẩm và là chủ thể của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, tính xã hội hóa cao. Họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại với những đặc điểm nổi bật: *sản xuất bằng máy móc, lao động có tính chất xã hội hóa, năng suất lao động cao và tạo ra những tiền đề của cải vật chất cho xã hội mới.*

*- Về phương diện chính trị - xã hội*

+ Giai cấp công nhân còn là sản phẩm xã hội của quá trình phát triển tư bản chủ nghĩa, một xã hội có “điều kiện tồn tại dựa trên cơ sở chế độ làm thuê”. Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, “giai cấp vô sản là giai cấp những công nhân làm thuê hiện đại, vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân, nên buộc phải bán sức lao động của mình để sống”, vì vậy họ bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Đối diện với nhà tư bản, công nhân là những người lao động tự do, với nghĩa là tự do bán sức lao động của mình để kiếm sống. Chính điều này khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản.

+ Mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hóa ngày càng rộng lớn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, thể hiện ra về mặt xã hội là mâu thuẫn về lợi ích giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Mâu thuẫn đó cho thấy tính chất đối kháng không thể điều hòa giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản trong chủ nghĩa tư bản.

Từ những phương diện trên, chúng ta có thể quan niệm: *Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để kiếm sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.*

*b. Đặc điểm của giai cấp công nhân*

*-* Lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa.

- Là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Do đó, giai cấp công nhân là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại.

- Là giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để. Đặc điểm này xuất phát từ nền sản xuất công nghiệp và phương thức sản xuất tiên tiến đã rèn luyện cho giai cấp công nhân những phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp.

**2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

# Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, *sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân là thông qua chính đảng tiền phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động thoát khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.*

# Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thể hiện trên ba nội dung cơ bản

# - *Nội dung kinh tế:*

+ Giai cấp công nhân là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, đại biểu cho quan hệ sản xuất mới, sản xuất ra của cải vật chất ngày càng tăng của con người và xã hội. Do vậy, họ tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.

+ Giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất không có lợi ích riêng với nghĩa là tư hữu. Họ đại biểu cho lợi ích chung của toàn xã hội, phấn đấu vì lợi ích chung của toàn xã hội và chỉ tìm thấy lợi ích chân chính của mình khi thực hiện lợi ích chung của toàn xã hội

+ Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân thông qua quá trình công nghiệp hóa và thực hiện “một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động” để tăng năng suất lao động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý, phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

*- Nội dung chính trị - xã hội*

+ Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của chủ nghĩa tư bản, giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.

+ Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới.

-  *Nội dung văn hóa, tư tưởng*

+ Giai cấp công nhân cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động; công bằng; dân chủ; bình đẳng và tự do. Hệ giá trị thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới XHCN sẽ từng bước phát triển và hoàn thiện.

+ Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác- Lênin, đấu tranh khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ. Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới XHCN, đạo đức và lối sống mới XHCN.

**3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

*a.* *Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

*Thứ nhất, do địa vị kinh tế - xã hội khách quan của giai cấp công nhân quy định*

Trong phương thức sản xuất TBCN, giai cấp công nhân là con đẻ, là sản phẩm của nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Vì thế, giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại. Do lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại, giai cấp công nhân là người sản xuất ra của cải vật chất chủ yếu cho xã hội, làm giàu cho xã hội, có vai trò quyết định sự phát triển của xã hội hiện đại. Vì vậy, giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất TBCN, giành chính quyền về tay mình, chuyển từ giai cấp “tự nó’ thành giai cấp “vì nó” và trở thành giai cấp đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử.

*Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định*

- Trong chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân không sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, phải bán sức lao động để kiếm sống, bị bóc lột nặng nề, vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập trực tiếp với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản và thống nhất với lợi ích của đa số nhân dân lao động.

- Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp nên giai cấp công nhân có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng, tính tổ chức và kỷ luật, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội. Giai cấp công nhân được trang bị lý luận tiên tiến là chủ nghĩa Mác - Lênin, có đội tiền phong là Đảng Cộng sản dẫn dắt.

=> Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân sở dĩ được thực hiện bởi nó là giai cấp cách mạng, đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

*b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử*

*- Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng*

+ Sự phát triển về số lượng, chất lượng của giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Chất lượng của giai cấp công nhân phải được thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng. Do đó, giai cấp công nhân phải được giác ngộ về lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

+ Là giai cấp đại diện tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, chất lượng của giai cấp công nhân còn phải được thể hiện ở năng lực, trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay. Để phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng, theo chủ nghĩa Mác - Lênin phải đặc biệt chú ý đến 2 biện pháp cơ bản:

1) Phát triển công nghiệp – “tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết”;

2) Sự trưởng thành của Đảng Cộng sản – hạt nhân chính trị quan trọng của giai cấp công nhân.

*- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình*

+ Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

+ Quy luật chung, phổ biến cho sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện của mỗi nước, mỗi dân tộc mà Đảng Cộng sản ra đời là sản phẩm của lịch sử.

+ Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Đảng Cộng sản đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội. Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở bản chất giai cấp công nhân mà còn thể hiện ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, với đông đảo quần chúng lao động trong xã hội.

+ Ngoài hai điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan nêu trên, chủ nghĩa Mác - Lênincòn chỉ rõ: để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có *sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác* do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đây cũng là một điều kiện quan trọng không thể thiếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

**II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay**

**1. Giai cấp công nhân hiện nay**

# So với giai cấp công nhân truyền thống ở thế kỷ XIX thì giai cấp công nhân hiện nay vừa có những điểm tương đồng vừa có những điểm khác biệt, có những biến đổi mới trong điều kiện lịch sử mới.

# *a. Về những điểm tương đối ổn định so với thế kỷ XIX*

# - Giai cấp công nhân vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại. Họ là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại mang tính xã hội hóa ngày càng cao.

# - Ở các nước công nghiệp phát triển, trình độ phát triển cao về kinh tế có tỷ lệ thuận giữa sự phát triển của giai cấp công nhân với sự phát triển kinh tế; lực lượng lao động bằng phương thức công nghiệp chiếm tỷ lệ cao ở mức tuyệt đối.

# - Đa số các nước đang phát triển hiện nay đều thực hiện chiến lược công nghiệp hóa nhằm đẩy mạnh tốc độ, chất lượng và quy mô phát triển. Vì vậy, công nghiệp hóa vẫn là cơ sở khách quan để giai cấp công nhân hiện đại phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng.

# - Ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư; quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với chế đợ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa vẫn tồn tại; xung đột về lợi ích cơ bản giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân vẫn tồn tại, vẫn là nguyên nhân cơ bản, sâu xa của đấu tranh giai cấp giai cấp trong xã hội hiện đại ngày nay.

# - Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

# Từ những điểm tương đồng đó của giai cấp công nhân hiện đại so với công nhân thế kỷ XIX, có thể khẳng định: *Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn mang giá trị khoa học và cách mạng, vẫn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và quần chúng lao động, chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường XHCN trong sự phát triển của thế giới ngày nay*.

# *b. Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại*

# - Xu hướng “trí tuệ hóa” tăng nhanh

# + Gắn liền với cách mạng và khoa học công nghệ hiện đại, với sự phát triển kinh tế tri thức, công nhân hiện đại có xu hướng trí tuệ hóa. Tri thức hóa và trí thức hóa công nhân là hai mặt của cùng một quá trình, của xu hướng trí tuệ hóa đối với công nhân và giai cấp công nhân;

# + Ngày nay, công nhân được đào tạo chuẩn mực và thường xuyên được đào tạo lại, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong nền sản xuất. Hao phí lao động hiện đại chủ yếu là hao phí về trí lực chứ không còn thuần túy là hao phí sức lực cơ bắp. Cùng với nhu cầu về vật chất, nhu cầu về tinh thần và văn hóa tinh thần của công nhân ngày càng tăng, phong phú đa dạng hơn và đòi hỏi chất lượng hưởng thụ tinh thần cao hơn;

# - Xu hướng “trung lưu hóa” gia tăng

# + Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chủ nghĩa tư bản đã có một số điều chỉnh nhất định về phương thức quản lý. Một bộ phận công nhân đã tham gia vào sở hữu một lượng tư liệu sản xuất của xã hội thông qua chế độ cổ phần hóa, có mức sống “trung lưu hóa”. Tuy nhiên, do không chiếm được tỷ lệ sở hữu cao nên quá trình sản xuất và quyền quyết định cơ chế phân phối lợi nhuận vẫn phụ thuộc về giai cấp tư sản

# + Hiện nay, trong chủ nghĩa tư bản, những thành quả của khoa học công nghệ, trình độ kinh tế tri thức và những điều chỉnh về thể chế quản lý kinh tế và xã hội... vẫn là công cụ để bóc lột giá trị thặng dư. Giai cấp công nhân vẫn bị bóc lột nặng nề bởi các chủ thể mới trong toàn cầu hóa như các tập đoàn xuyên quốc gia, nhà nước của các nước tư bản phát triển...

# - Đảng Cộng sản – đội tiền phong của giai cấp công nhân, giữ vai trò cầm quyền trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số quốc gia xã hội chủ nghĩa.

# => Trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nhân hiện đại cũng tăng nhanh về số lượng, thay đổi lớn về cơ cấu trong nền sản xuất hiện đại. Cơ cấu xã hội, cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu thu nhập giữa các bộ phận công nhân rất khác nhau trên phạm vi toàn cầu cũng như trong mỗi quốc gia.

# 2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

# *a. Nội dung kinh tế*

# - Giai cấp công nhân tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội, thúc đẩy sự chín muồi các tiền đề của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản. Đó lại là điều kiện để phát huy vai trò chủ thể của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

# - Mặt khác, mâu thuẫn lợi ích cơ bản giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản ngày càng sâu sắc ở từng quốc gia và trên phạm vi toàn cầu. Toàn cầu hóa hiện nay vẫn mang đậm tính chất tư bản chủ nghĩa với những sự bất công và bất bình đẳng xã hội, thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi thế giới, phấn đấu cho việc xác lập một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng.

# *b*. *Nội dung chính trị - xã hội*

# - Ở các nước TBCN, mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chống bất công và bất bình đẳng xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

# - Đối với các nước XHCN, nơi các Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền, nội dung chính trị - xã hội của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ lên CNXH, đặc biệt là xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

# *c.* *Nội dung văn hóa, tư tưởng*

# - Là cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa CNXH với CNTB. Cuộc đấu tranh này đang diễn ra phức tạp và quyết liệt, nhất là trong nền kinh tế thị trường phát triển với những tác động mặt trái của nó. Tuy nhiên, các giá trị đặc trưng cho bản chất khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân, của CNXH vẫn mang ý nghĩa chỉ đạo, định hướng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng lao động chống CNTB và lựa chọn con đường XHCN của sự phát triển xã hội.

# - Các giá trị như lao động, sáng tạo, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do vẫn là những giá trị được nhân loại thừa nhận và phấn đấu thực hiện. Không chỉ ở các nước XHCN mà ở nhiều nước TBCN cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vì những giá trị cao cả đó đã đạt được nhiều tiến bộ xã hội quan trọng.

# - Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu của CNXH cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc.

**III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam**

**1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam**

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau đây:

*-* Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ đầu thế kỷ XX, trước cả sự ra đời của giai cấp tư sản Việt Nam và là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai của chúng. Vì thế, giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm vì sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, dưới sự thống trị của quân xâm lược Pháp.

- Là lực lượng chính trị tiên phong lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân và phong kiến thống trị, mở đường cho sự phát triển của dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản. Giai cấp công nhân Việt Nam không chỉ thể hiện đặc tính cách mạng của mình ở ý thức giai cấp và lập trường chính trị mà còn thể hiện tinh thần dân tộc; gắn bó mật thiết với nhân dân, với dân tộc; có truyền thống yêu nước, đoàn kết, bất khuất chống giặc ngoại xâm.

- Tuy số lượng giai cấp công nhân Việt Nam ít, những đặc tính của giai cấp công nhân với tư cách là sản phẩm của đại công nghiệp chưa thật đầy đủ, lại sinh trưởng trong một xã hội nông nghiệp còn mang nhiều tàn dư của tâm lý tiểu nông nhưng giai cấp công nhân Việt Nam sớm được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng chống thực dân đế quốc nên đã trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị của giai cấp, sớm giác ngộ lý tưởng, mục tiêu cách mạng, nhất là từ khi Đảng ra đời. Giai cấp công nhân Việt Nam tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, với lý tưởng, mục tiêu cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có tính thần cách mạng triệt để và là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích của dân tộc gắn chặt với nhau, tạo thành động lực thúc đẩy đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc trong mọi thời kỳ đấu tranh cách mạng, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng XHCN, trong xây dựng CNXH và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

- Đại bộ phận công nhân xuất thân từ nông dân lao động và những tầng lớp lao động khác, cùng chung lợi ích cùng chung nguyện vọng và khát vọng đấu tranh cho độc lập tự do để giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Họ có mối liên hệ tự nhiên, thân thiết, chặt chẽ với đông đảo nhân dân lao động trong xã hội. Đây là điều kiện thuận lợi để giai cấp công nhân xây dựng khối liên minh công - nông - binh vững chắc và khối đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm cho sự lãnh đạo của giai cấp công nhân trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam.

=> Những đặc điểm nêu trên bắt nguồn từ lịch sử hình thành và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam với cơ sở kinh tế - xã hội và chính trị ở đầu thế kỷ XX. Hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam có những biến đổi như sau:

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường;

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo;

- Công nhân trí thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến, và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất xã hội, là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và trong phong trào công đoàn. Giai cấp công nhân Việt Nam cũng đang đứng trước những thời cơ phát triển và những thách thức nguy cơ phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, cùng với việc xây dựng, phát triển giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh, hiện đại, phải đặc biệt coi trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền thực sự trong sạch, vững mạnh.

**2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay**

Trong thời kỳ đổi mới, *giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiện phong là Đảng Cộng sản; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng CNXH, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng*.

Giai cấp công nhân cần phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể.

1. *Nội dung kinh tế:*

- Phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng XHCN, lấy khoa học-công nghệ làm động lực quan trọng, quyết định tăng năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng, thực hiện hài hòa lợi ích cá nhân- tập thể và xã hội.

- Thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có nền công nghiệp hiện đại. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam phải gắn liền với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.

- Thực hiện khối liên minh công - nông - trí thức để tạo ra những động lực phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân ở nước ta theo hướng phát triển bền vững, hiện đại hóa, chủ động hội nhập quốc tế, nhất là hội nhập kinh tế quốc tế.

*b.* *Nội dung chính trị - xã hội:*

- Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên và tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ. Thực hiện trọng trách đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong giai cấp công nhân phải nêu cao trách nhiệm tiên phong, đi đầu, góp phần củng cố và phát triển cơ sở chính trị - xã hội quan trọng của Đảng

- Giai cấp công nhân (thông qua hệ thống tổ chức công đoàn) chủ động, tích cực tham gia xây dựng chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thực sự trong sạch vững mạnh, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa để bảo vệ nhân dân.

*c. Nội dung văn hóa, tư tưởng*

*-* Xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc có nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới XHCN, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam, hoàn thiện nhân cách.

- Bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại những quan điểm sai trái, sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên định lý tưởng, mục tiêu và con đường cách mạng độc lập dân tộc và CNXH.

- Thường xuyên giáo dục cho các thế hệ công nhân và lao động trẻ ở nước ta về ý thức giai cấp, bản lĩnh chính trị, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa giai cấp công nhân với dân tộc, đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

**3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay**

*a. Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay*

*-* Phát triển giai cấp công nhân về số lượng, chất lượng và tổ chức; nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; thích ứng nhanh với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế; có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân, xây dựng giai cấp công nhân có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế.

- Giải quyết việc làm; thực hiện tốt chính sách và pháp luật đối với công nhân và lao động; có chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao. Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế… Chăm lo đào tạo cán bộ và kết nạp đảng viên những công nhân ưu tú.

*b.* *Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay*

*Một là,* nâng cao nhận thức kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết đảm bảo thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*Hai là,* xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và doanh nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò giai cấp công nhân trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

*Ba là,* thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa giai cấp công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc và cấp bách của giai cấp công nhân.

*Bốn là,* đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ, có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

*Năm là,* xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Nêu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

2. Trình bày những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

3. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thế giới hiện nay?

4. Phân tích đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

5. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam?

# Chương 3

**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ** **LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

**I. Chủ nghĩa xã hội**

# Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ các góc độ sau đây:

# 1) Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị;

# 2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công;

# 3) Là một khoa học - chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;

# 4) Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội CSCN.

# 1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

# - Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra tính tất yếu sự thay thế hình thái kinh tế xã hội TBCN bằng hình thái kinh tế xã hội CSCN, đó là quá trình lịch sử - tự nhiên. Sự thay thế này được thực hiện thông qua cách mạng xã hội xuất phát từ hai tiền đề vật chất quan trọng nhất là sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

# - Khi phân tích hình thái kinh tế - xã hội CSCN, C.Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, hình thái kinh tế - xã hội CSCN phát triển từ thấp lên cao qua hai giai đoạn, giai đoạn thấp và giai đoạn cao, giai đoạn CSCN; giữa xã hội TBCN và xã hội CSCN là thời kỳ quá độ lên CNCS.

# - Về xã hội của thời kỳ quá độ, C.Mác cho rằng đó là xã hội vừa thoát thai từ xã hội TNCB, xã hội chưa phát triển trên cơ sở của chính nó còn mang nhiều dấu vết của xã hội cũ để lại.

# Sau này từ thực tiễn nước Nga, Lênin cho rằng, đối với những nước chưa có CNTB phát triển cao cần có thời kỳ quá độ khá lâu dài từ CNTB lên CNXH.

# Như vậy, về mặt lý luận và thực tiễn, thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNCS được hiểu theo hai nghĩa: *Thứ nhất*, đối với các nước chưa trải qua CNTB phát triển, cần thiết phải có thời kỳ quá độ lâu dài từ CNTB lên CNXH - “những cơn đau đẻ kéo dài”; *Thứ hai*, đối với các nước đã trải qua CNTB phát triển, giữa CNTB và CNCS có một thời kỳ quá độ nhất định, thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia, thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNCS.

# 2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội

*a. Điều kiện kinh tế*

Trong xã hội TBCN, lực lượng sản xuất càng được cơ khí hóa, hiện đại hóa càng mang tính xã hội hóa cao, thì càng mâu thuẫn với quan hệ sản xuất TBCN dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN. Quan hệ sản xuất từ chỗ đóng vai trò mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, thì ngày càng trở nên lỗi thời, xiềng xích đối với lực lượng sản xuất.

*b. Điều kiện chính trị - xã hội*

Biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại và giai cấp tư sản lỗi thời. Hơn nữa, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp cơ khí là sự trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân. Sự trưởng thành vượt bậc đó được đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng Cộng sản, đội tiền phong của giai cấp công nhân, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản.

=> Sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành thực sự của giai cấp công nhân là tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Tuy nhiên, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa không tự nhiên ra đời, nó chỉ được hình thành thông qua *cách mạng vô sản* dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thông qua cách mạng vô sản, giai cấp công nhân thực hiện bước quá độ từ CNTB lên CNXH và CNCS.

=> Cuộc cách mạng đó, trên thực tế được thực hiện bằng con đường bạo lực cách mạng nhằm lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - XHCN, CSCN. Tuy nhiên, cách mạng vô sản, về mặt lý thuyết cũng có thể được thực hiện bằng con đường hòa bình, nhưng vô cùng hiếm, quý và trên thực tế chưa xảy ra.

=> Cách mạng vô sản chỉ có thể thành công, hình thái kinh tế - xã hội CSCN chỉ có thể được thành lập và phát triển khi tính tích cực chính trị của giai cấp công nhân được khơi dậy và phát huy trong liên minh với các giai cấp và tầng lớp những người lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

**3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội**

*Một là*, *chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.*

Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội CSCN so với các hình thái kinh tế - xã hội trước đó, thể hiện ở bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Để đạt được mục tiêu tổng quát đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải tiến hành triệt để, trước hết phải xóa bỏ tình trạng giai cấp này bóc lột, áp bức giai cấp kia, từ đó xóa bỏ tình trạng dân tộc này đi bóc lột dân tộc khác. Để đạt mục tiêu cao cả đó, giai cấp công nhân, chính Đảng Cộng sản phải hoàn thành nhiều nhiệm vụ của các giai đoạn khác nhau, trong đó có mục đích, nhiệm vụ cụ thể của thời kỳ xây dựng CNXH - tạo ra các điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần để thiết lập xã hội cộng sản chủ nghĩa.

*Hai là*, *chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu*

- Mục tiêu cao nhất của CNXH là giải phóng con người trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, mà xét đến cùng là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất. CNXH là xã hội có nền kinh tế phát triển cao, lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, được tổ chức quản lý có hiệu quả, năng suất lao động cao và phân phối chủ yếu theo lao động.

- Phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn, tổ chức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm, nghĩa là phải tạo ra quan hệ sản xuất tiên tiến, thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

- Đối với những nước chưa qua CNTB đi lên CNXH, để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, V.I.Lênin chỉ rõ tất yếu phải “bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc” xuyên qua CNTB nhà nước và phải học hỏi thêm kinh nghiệm từ các nước phát triển.

*Ba là*, *chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ*

Đây là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của CNXH, xã hội vì con người và do con người; nhân dân mà nòng cốt là nhân dân lao động là chủ thể của xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. CNXH là một chế độ chính trị dân chủ, nhà nước XHCN với hệ thống pháp luật và hệ thống tổ chức ngày càng hoàn thiện sẽ quản lý xã hội ngày càng hiệu quả.

*Bốn là, chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động*

Đó là nhà nước kiểu mới thực hiện dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp bằng vũ lực bọn bóc lột, bọn áp bức nhân dân, thực chất của sự biến đổi chế độ dân chủ trong thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNCS. Nhà nước vô sản, phải là một công cụ, một phương tiện, đồng thời, là một biểu hiện tập trung trình độ dân chủ của nhân dân lao động, phản ánh trình độ nhân dân tham gia vào mọi công việc của nhà nước, quần chúng nhân dân thực sự tham gia vào từng bước của cuộc sống và đóng vai trò tích cực trong việc quản lý.

*Năm là, chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát triển những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại*

Trong CNXH, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực của phát triển xã hội, trọng tâm là phát triển kinh tế; văn hóa đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh con người, biến con người thành con người chân- thiện - mỹ.

*Thứ sáu*, *chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới*

Xây dựng một cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết, hợp tác, hữu nghị với nhân dân các nước trên thế giới luôn có vị trí đặc biệt quan trọng trong hoạch định và thực thi chiến lược phát triển của mỗi dân tộc và mỗi quốc gia. CNXH, với bản chất tốt đẹp do con người, vì con người luôn là bảo đảm cho các dân tộc bình đẳng, đoàn kết và hợp tác hữu nghị; đồng thời có quan hệ với nhân dân các nước trên thế giới. Vì vậy theo V.I.Lênin, cần thiết phải có sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản và toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới.

**II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

1. **Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

- Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ: lịch sử xã hội đã trải qua 5 hình thái kinh tế-xã hội: Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. So với các hình thái kinh tế - xã hội đã xuất hiện trong lịch sử, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa có sự khác biệt về chất, trong đó không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành người tự do… Bởi vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ CNTB lên CNXH tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ là do:

* Các quan hệ của CNXH không tự nảy sinh trong lòng CNTB, mà chúng là kết quả của quá trình XD và cải tạo XHCN. Do vậy, thời kỳ quá độ là để XD và phát triển những quan hệ đó.
* CNTB đã tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật nhất định cho CNXH, nhưng muốn những cơ sở vật chất đó phục vụ cho CNXH cần có thời gian tổ chức, sắp xếp lại.
* Công cuộc xây dựng CNXH là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp, cần phải có thời gian để GCCN làm quen với những công việc mới.

- Các ông cũng phân biệt có hai loại quá độ từ CNTB lên CNCS: 1) Quá độ trực tiếp từ CNTB lên CNCS đối với những nước đã trải qua CNTB phát triển; 2) Quá độ gián tiếp từ CNTB lên CNCS đối với những nước chưa trải qua CNTB phát triển.

**2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Thực chất của thời kỳ quá độ lên CNXH là thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội tiền tư bản và TBCN sang CNXH. Xã hội của thời kỳ quá độ là xã hội có sự đan xen của nhiều tàn dư về mọi phương diện kinh tế, đạo đức, tinh thần của CNTB và những yếu tố mới mang tính chất XHCN của CNXH mới phát sinh chưa phải là CNXH đã phát triển trên cơ sở của chính nó.

Có thể khái quát những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên CNXH như sau:

*a. Trên lĩnh vực kinh tế*

Thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu còn tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần trong đó có thành phần đối lập. Nền kinh tế này được xác lập trên cơ sở khách quan của sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất với những hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, đan xen hỗn hợp và tương ứng với nó là những hình thức phân phối khác nhau, trong đó hình thức phân phối theo lao động tất yếu ngày càng giữ vai trò là hình thức phân phối chủ đạo.

*b. Trên lĩnh vực chính trị*

Là việc thiết lập, tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất của nó là việc giai cấp công nhân nắm giữ và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp. Đây là sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân với chức năng thực hiện dân chủ đối với nhân dân, tổ chức xây dựng và bảo vệ chế độ mới, chuyên chính với những phần tử thù địch, chống lại nhân dân; là tiếp tục cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản đã chiến thắng nhưng chưa phải là toàn thắng với giai cấp tư sản đã thất bại nhưng chưa phải là thất bại hoàn toàn.

*c. Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá*

Còn tồn tại nhiều yếu tố tư tưởng và văn hoá khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản. Giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của mình là Đảng Cộng sản từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới XHCN, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa - tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

*d. Trên lĩnh vực xã hội*

Còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau; còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Bởi vậy, về thực chất thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH về phương diện xã hội là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

**II. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

**1. Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa**

Việt Nam tiến lên CNXH trong điều kiện vừa thuận lợi vừa khó khăn đan xen, có những đặc trưng cơ bản:

- Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, kéo dài nhiều thập kỷ, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn rất nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ XHCN và nền độc lập dân tộc của nhân dân;

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt;

- Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH, cho dù chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn và thách thức, song theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ đi tới CNXH.

Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là sự lựa chọn duy nhất đúng, khoa học, phản ánh đúng quy luật phát triển khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay. Tư tưởng này được hiểu đầy đủ với những nội dung sau:

*Thứ nhất*, quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.

*Thứ hai*, quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN. Trong thời kỳ này còn nhiều hình thức sỡ hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức phân phối, ngoài phân phối theo lao động vẫn là chủ đạo còn phân phối theo mức độ đóng góp và quỹ phúc lợi xã hội; thời kỳ quá độ vẫn còn quan hệ bóc lột và bị bóc lột, song quan hệ bóc lột TBCN không giữ vai trò thống trị.

*Thứ ba*, quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu nhân loại đã đạt được dưới CNTB, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ, thành tựu về quản lý để phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

*Thứ tư*, quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân.

***2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay***

*a. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Trong quá trình đổi mới, nhận thức của Đảng ta về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa được phát triển và cụ thể dần thông qua các kỳ đại hội. Đặc biệt, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua *“Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”* đã xác định mô hình CNXH ở nước ta với sáu đặc trưng:

1. Do nhân dân lao động làm chủ;
2. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu;
3. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;
4. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân;
5. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ;
6. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Đến Đại hội XI, nhận thức của Đảng ta về CNXH và con đường đi lên CNXH đã có bước phát triển mới. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011* đã phát triển mô hình CNXH Việt Nam với tám đặc trưng cơ bản:

1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
2. Do nhân dân làm chủ.
3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.
4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

*b)* *Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*

Đại hội XI, Đảng ta xác định:

*Một là,* đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

*Hai là*, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Ba là*, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xãhội.

*Bốn là*, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

*Năm là*, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốctế.

*Sáu là*, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thốngnhất.

*Bảy là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

*Tám là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Sau 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đại hội XIII của Đảng đã xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng XHCN với các mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

# 1. Phân tích điều kiện ra đời và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội khoa học? Liên hệ với thực tiễn Việt Nam?

# 2. Phân tích tính tất yếu, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? Liên hệ Việt Nam?

# 3. Phân tích luận điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa?

**Chương 4**

# DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

# I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa

# 1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

# *a. Quan niệm về dân chủ*

- Thuật ngữ dân chủ ra đời vào khoảng thế kỷ thứ VII - VI trước công nguyên. Các nhà Hy Lạp cổ đại đã dùng cụm từ “demokratos” để nói đến dân chủ, trong đó Demos là nhân dân (danh từ) và kratos là cai trị (động từ). Theo đó, dân chủ được hiểu là quyền lực của nhân dân hay quyền lực thuộc về nhân dân.

- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, dân chủ có một số nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất*, về phương diện quyền lực, dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ nhân của nhà nước. Dân chủ là quyền lợi của nhân dân.

*Thứ hai*, trên phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính trị, dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước, là chính thể dân chủ hay chế độ dân chủ.

*Thứ ba*, trên phương diện tổ chức và quản lý xã hội, dân chủ là một nguyên tắc dân chủ. Nguyên tắc này kết hợp với nguyên tắc tập trung để hình thành nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và quản lý xã hội.

Dân chủ với tư cách là một hình thức tổ chức thiết chế chính trị, một hình thức hay hình thái nhà nước, nó là một phạm trù lịch sử. Song dân chủ với tư cách là một giá trị xã hội, nó là một phạm trù vĩnh viễn.

- Trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lênin và điều kiện cụ thể của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển dân chủ theo hướng (1) Dân chủ trước hết là một giá trị nhân loại nói chung. Người đã khẳng định: Dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ. (2) Khi coi dân chủ là một thể chế chính trị, một chế độ xã hội, Người khẳng định: Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đày tớ trung thành của nhân dân. Dân chủ có nghĩa là mọi quyền hạn đều thuộc về nhân dân. Dân phải thực sự là chủ thể của xã hội và hơn nữa, dân phải được làm chủ một cách toàn diện: Làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân mình. Mặt khác, dân chủ phải bao quát tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

- Trên cơ sở những quan niệm dân chủ nêu trên, nhất là tư tưởng vì dân của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng chế độ dân chủ XHCN, mở rộng phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Trong công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng XHCN, Đảng ta luôn quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Dân chủ gắn liền với công bằng. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật.

Từ những cách tiếp cận trên, có thể hiểu *Dân chủ là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một phạm trù chính trị gắn với các hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền; là một phạm trù lịch sử gắn với quá trình ra đời, phát triển của lịch sử xã hội nhân loại.*

*b. Sự ra đời, phát triển của dân chủ*

*- Dân chủ nguyên thủy* hay còn gọi là “dân chủ quân sự”: Đặc trưng cơ bản của hình thức dân chủ này là nhân dân bầu ra thủ lĩnh quân sự thông qua “Đại hội nhân dân”. Trong “Đại hội nhân dân”, mọi người đều có quyền phát biểu và tham gia quyết định bằng cách giơ tay hoặc hoan hô, ở đó “Đại hội nhân dân” và nhân dân có quyền lực thật sự, mặc dù trình độ sản xuất còn kém phát triển.

*- Nền dân chủ chủ nô:* Nền dân chủ được tổ chức thành nhà nước với đặc trưng là dân tham gia bầu ra Nhà nước. Tuy nhiên. “Dân là ai?”, theo quy định của giai cấp cầm quyền chỉ gồm giai cấp chủ nô và phần nào thuộc về các công dân tự do. Đa số còn lại không phải là “dân” mà là “nô lệ”. Về thực chất, đây là nền dân chủ cho thiểu số.

*- Chuyên chế phong kiến:* Sự thống trị của giai cấp trong thời kỳ này được khoác lên chiếc áo thần bí của thế lực siêu nhiên. Họ xem việc tuân theo ý chí của giai cấp thống trị là bổn phận của mình trước sức mạnh của đấng tối cao. Do đó, ý thức về dân chủ và đấu tranh để thực hiện quyền làm chủ của người dân đã không có bước tiến đáng kể nào.

*- Nền dân chủ tư sản:* Sự ra đời của nền dân chủ tư sản là một bước tiến lớn của nhân loại với những giá trị nổi bật về quyền tự do, bình đẳng, dân chủ. Tuy nhiên, do được xây dựng trên nền tảng kinh tế là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, nên trên thực tế, nền dân chủ tư sản vẫn là nền dân chủ của thiểu số những người nắm giữ tư liệu sản xuất đối với đại đa số nhân dân lao động.

*- Nền dân chủ XHCN:* Đặc trưng cơ bản của nền dân chủ XHCN là thực hiện quyền lực của nhân dân - tức là xây dựng nhà nước dân chủ thực sự, dân làm chủ nhà nước và xã hội, bảo vệ quyền lợi cho đại đa số nhân dân.

Như vậy, với tư cách là một hình thái nhà nước, một chế độ chính trị thì trong lịch sử nhân loại cho đến nay có ba nền (chế độ) dân chủ. Nền dân chủ chủ nô, nền dân chủ tư sản và nền dân chủ XHCN. Tuy nhiên, muốn biết một nhà nước dân chủ có thực sự hay không phải xem trong nhà nước ấy dân là ai và bản chất của chế độ xã hội ấy như thế nào?

**2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa**

*a. Quá trình ra đời của nền dân chủ XHCN*

Dân chủ XHCN đã được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Pari năm 1871, tuy nhiên chỉ đến khi Cách mạng Tháng Mười nga thành công với sự ra đời của nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới (1917), nền dân chủ XHCN mới chính thức được xác lập.

Quá trình phát triển của nền dân chủ XHCN là từ thấp tới cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện; có sự kế thừa một cách có chọn lọc giá trị của các nền dân chủ trước đó, trước hết là nền dân chủ tư sản. Nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ XHCN là không ngừng mở rộng dân chủ, nâng cao mức độ giải phóng cho những người lao động, thu hút họ tham gia tự giác vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Càng hoàn thiện bao nhiêu, nền dân chủ XHCN lại càng tự tiêu vong bấy nhiêu.

Tuy nhiên, đây là quá trình lâu dài, khi xã hội đã đạt trình độ phát triển rất cao, xã hội không còn sự phân chia giai cấp, đó là xã hội CSCN đạt tới mức độ hoàn thiện, khi đó dân chủ XHCN với tư cách là một chế độ nhà nước cũng tiêu vong.

Như vậy, có thể hiểu *dân chủ XHCN là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền XHCN, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.*

1. *Bản chất của nền dân chủ XHCN*

*- Bản chất chính trị:*

+ Nền dân chủ XHCN do Đảng Cộng sản - đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nên mang tính nhất nguyên về chính trị.

+ Trong nền dân chủ XHCN, nhân dân lao động là người là chủ những quan hệ chính trị. Họ được tham gia rộng rãi vào công việc quản lý của nhà nước. Vì vậy dân chủ XHCN vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc.

*- Bản chất kinh tế:*

+ Nền dân chủ XHCN dựa trên chế độ sở hữu XHCN về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

+ Kinh tế XHCN cũng là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại tạo ra trong lịch sử, đồng thời lọc bỏ những nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm hãm... của các chế độ kinh tế trước đó, nhất là bản chất tư hữu, áp bức, bất công... đối với đa số nhân dân.

+ Nền dân chủ XHCN là thực hiện *chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu.*

*- Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội:*

+ Nền dân chủ XHCN lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới. Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc; tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội… mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia dân tộc… Trong nền dân chủ XHCN, nhân dân được làm chủ những giá trị văn hóa tinh thần; được nâng cao trình độ văn hóa, có điều kiện để phát triển cá nhân.

+ Có sự kết hợp hài hòa về lợi ích cá nhân, tập thể và lợi ích của toàn xã hội; ra sức động viên thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Như vậy, dân chủ XHCN là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; thực hiện bằng nhà nước pháp quyền XHCN, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

**II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa**

**1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa**

*a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

- Mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hóa ngày càng cao với quan hệ sản xuất tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội TBCN, biểu hiện ra về mặt xã hội là mâu thuẫn sâu sắc giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, cùng với đó là các cuộc khủng hoảng kinh tế và làm xuất hiện các phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản.

- Tuy nhiên, chỉ khi giai cấp vô sản được trang bị bởi vũ khí lý luận là chủ nghĩa Mác - Lênin dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản (nhân tố có ý nghĩa quyết định) thì phong trào đấu tranh cách mạng mới có thể đi đến thắng lợi. Và chủ nghĩa Mác – Lênin cũng chính là cơ sở lý luận để giai cấp công nhân tổ chức, tiến hành cách mạng và xây dựng nhà nước của mình sau chiến thắng ấy.

- Cùng với đó, các yếu tố dân tộc và thời đại cũng tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở mỗi nước.

=> Nhà nước XHCN ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Như vậy, *nhà nước XHCN là nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng XHCN sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công CNXH, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao - XHCN*.

*b.* *Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

*- Về chính trị:* Nhà nước XHCN mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động. Trong xã hội XHCN, giai cấp vô sản là lực lượng giữ địa vị thống trị về chính trị. Sự thống trị đó là sự thống trị của đa số đối với thiểu số giai cấp bóc lột nhằm giải phóng giai cấp mình và giải phóng tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác trong xã hội. Do đó, nhà nước XHCN là đại biểu cho ý chí chung của nhân dân lao động.

*- Về kinh tế:* Bản chất của nhà nước XHCN chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội XHCN, đó là chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do đó, không còn tồn tại quan hệ sản xuất bóc lột. Nhà nước XHCN vừa là bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế - xã hội của nhân dân lao động, nó không còn là nhà nước theo đúng nghĩa, mà chỉ là “nửa nhà nước”. Việc chăm lo cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước XHCN.

*- Về văn hóa, xã hội:* Nhà nước XHCN được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc riêng của dân tộc. Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

*c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

Tùy theo góc độ tiếp cận, chức năng của nhà nước XHCN được chia thành các chức năng khác nhau.

- Căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước được chia thành *chức năng đối nội* và *chức năng đối ngoại*.

- Căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước XHCN được chia thành *chức năng kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội…*

- Căn cứ vào tính chất của quyền lực nhà nước, chức năng nhà nước được chia thành *chức năng giai cấp* (trấn áp) và *chức năng xã hội* (tổ chức và xây dựng).

=> Trong nhà nước XHCN, chức năng trấn áp sẽ vẫn còn, nhưng đó là bộ máy do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức ra để trấn áp giai cấp bóc lột đã bị lật đổ và những phần tử chống đối để bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững an ninh chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Sự trấn áp đó là của đa số nhân dân lao động đối với thiểu số bóc lột.

Tuy nhiên, chức năng tổ chức và xây dựng vẫn là chức năng cơ bản của Nhà nước XHCN. Vì vậy, điều quan trọng hơn cả là chính quyền mới tạo ra được năng suất sản xuất cao hơn chế độ xã hội cũ, nhờ đó mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho đại đa số các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động.

Cải tạo xã hội cũ, xây dựng thành công xã hội mới là nội dung chủ yếu và mục đích cuối cùng của nhà nước XHCN. Đó là một sự nghiệp vĩ đại, nhưng đồng thời cũng là công việc cực kỳ khó khăn, phức tạp.

**2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa**

*a. Dân chủ XHCN là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước XHCN*

- Chỉ trong xã hội dân chủ XHCN, người dân mới có đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình thông qua việc lựa chọn một cách công bằng, bình đẳng những người đại diện cho quyền lợi chính đáng của mình vào bộ máy nhà nước, tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động quản lý của nhà nước, khai thác và phát huy một cách tốt nhất sức mạnh trí tuệ của nhân dân cho hoạt động của nhà nước.

- Nền dân chủ XHCN sẽ kiểm soát một cách có hiệu quả quyền lực nhà nước, ngăn chặn được sự tha hóa của quyền lực nhà nước, có thể dễ dàng đưa ra khỏi cơ quan nhà nước những người thực thi công vụ không còn đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực, bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu hướng đến lợi ích của người dân.

*b. Nhà* *nước XHCN trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân*

- Bằng việc thể chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, đồng thời là công cụ bạo lực để ngăn chặn có hiệu quả các hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân, bảo vệ nền dân chủ XHCN, *nhà nước xã hội chủ nghĩa nằm trong nền dân chủ XHCN là phương thức thể hiện và thực hiện dân chủ*.

- Thông qua hoạt động quản lý của nhà nước, các nguồn lực xã hội được tập hợp, tổ chức và phát huy hướng đến lợi ích của nhân dân

- Trong hệ thống chính trị XHCN, nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân; là công cụ sắc bén nhất trong cuộc đấu tranh với mọi mưu đồ đi ngược lại lợi ích của nhân dân; là thiết chế tổ chức có hiệu quả việc xây dựng xã hội mới; là công cụ hữu hiệu để vai trò lãnh đạo Đảng trong quá trình xây dựng CNXH được thực hiện…

**III. Dân chủ xã hội nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

**1. Dân chủ xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

*a. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

- Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tuy nhiên, từ năm 1945-1976, trong các văn kiện Đảng thường nêu quan điểm “xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa” gắn với “nắm vững chuyên chính vô sản”. Bản chất của dân chủ XHCN, mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN, cũng chưa được xác định rõ ràng. Việc xây dựng nền dân chủ XHCN, đặc biệt là thực hiện dân chủ trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam như thế nào cho phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa, đạo đức của xã hội Việt Nam, gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật, kỷ cương cũng chưa được đặt ra một cách cụ thể, thiết thực.

- Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước đã nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra một động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước. Đại hội khẳng định “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”.

- Hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về dân chủ XHCN, vị trí, vai trò của dân chủ ở nước ta đã có nhiều điểm mới. Qua mỗi kỳ đại hội của Đảng thời kỳ đổi mới, dân chủ ngày càng được nhận thức, phát triển và hoàn thiện đúng đắn, phù hợp hơn với điều kiện cụ thể của nước ta..

*b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

- Bản chất dân chủ XHCN là dựa vào Nhà nước XHCN và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân, coi con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách của người làm chủ.

- Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội, là bản chất của chế độ XHCN. Dân chủ gắn liền với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

- Dân chủ được thể hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội về lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

- Bản chất dân chủ XHCN ở Việt Nam được thực hiện thông qua các *hình thức dân chủ gián tiếp* và *dân chủ trực tiếp*:

+ Hình thức *dân chủ gián tiếp* là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra. Những con người và tổ chức ấy đại diện cho nhân dân, thực hiện quyền làm chủ cho nhân dân. Nhân dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm. Quyền lực nhà nước ta là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

+ Hình thức *dân chủ trực tiếp* là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội. Hình thức đó thể hiện ở các quyền được thông tin về hoạt động của nhà nước, được bàn bạc về công việc của nhà nước và cộng đồng dân cư; được bàn đến những quyết định về dân chủ ở cơ sở, nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước từ Trung ương cho đến cơ sở. Dân chủ ngày càng được thể hiện trong tất cả các mối quan hệ xã hội, trở thành quy chế, cách thức làm việc của mọi tổ chức trong xã hội.

- Trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta một yêu cầu tất yếu là không ngừng củng cố, hoàn thiện những điều kiện đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

**2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

*a. Quan niệm về nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam*

Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam có nội dung khái quát:

- Đề cao vai trò tối thượng của Hiến pháp và pháp luật; đề cao quyền lợi và nghĩa vụ công dân, đảm bảo quyền con người; tổ chức bộ máy vừa đảm bảo tập trung, thống nhất, vừa có sự phân công giữa các nhánh quyền lực, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền nhằm đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, tránh lạm quyền.

- Có mối quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền làm chủ của công dân.

- Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

*3.2.2. Đặc điểm về nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam*

Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, có thể thấy Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta có một số đặc điểm cơ bản như sau:

*Thứ nhất*, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

*Thứ hai*, Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật. Trong tất cả các hoạt động của xã hội, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

*Thứ ba*, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

*Thứ tư*, Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phù hợp với điều 4 Hiến pháp năm 2013. Hoạt động của Nhà nước được giám sát bởi nhân dân với phương chấm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.

*Thứ năm*, Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt nam tôn trọng quyền con người, coi con người là chủ thể, là trung tâm của sự phát triển. Quyền dân chủ của nhân dân được thực hành một cách rộng rãi; đồng thời tăng cường thực hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

*Thứ sáu*, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

**3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay**

*a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*

*Một là*, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ XHCN.

Cần thể chế hóa quan điểm của Đảng về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, thành phần sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp; bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu, loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế. Cùng với đó, có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của thể chế, xây dựng và hoàn thiện thể chế phải được tiến hành đồng bộ.

*Hai là*, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để thực thi dân chủ XHCN.

Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của mình, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

*Ba là,* xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN vững mạnh với tư cách là điều kiện thực thi dân chủ XHCN.

Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam phải thực thi quyền dân chủ của nhân dân trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện bằng Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước phải đảm bảo quyền con người là giá trị cao nhất.

*Bốn là*, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ XHCN.

Các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta cần phải đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động để nâng cao vị trí, vai trò của mình, để tham gia giám sát, phản biện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tạo khối đoàn kết toàn dân, chăm lo đời sống nhân dân, thực hiện dân chủ trong đời sống xã hội.

*Năm là*, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội; công khai hóa, minh bạch hóa, dân chủ hóa về thông tin, về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến lợi ích chính đáng của nhân dân.

*b. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

*Một là,* xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, đồng thời cũng gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với nhân dân. Tổ chức quyền lực của Nhà nước pháp quyền XHCN đảm bảo quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

*Hai là*, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội để đảm bảo đây là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa. Đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm mạnh và bãi bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân.

*Ba là*, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, điều hành quản lý đất nước. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ; đồng thời cũng phải xây dựng được cơ chế loại bỏ, miễn nhiệm những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ.

*Bốn là*, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Cần tiếp tục hoàn thiện các thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ, phòng chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng và hoàn thiện cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người đấu tranh chống tham nhũng; xây dựng các chế tài để xử lý các cá nhân và tổ chức vi phạm; động viên và khuyến khích toàn Đảng, toàn dân thực hành tiết kiệm.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Khái niệm, bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa?

2. Bản chất và chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa?

3. Bản chất và định hướng xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

4. Nội dung và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

5. Liên hệ trách nhiệm cá nhân trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay?

**Chương 5**

**CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

**I. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

**1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội**

*a. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp*

- *Cơ cấu xã hội* là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

Theo đó, cơ cấu xã hội bao gồm các cơ cấu xã hội cụ thể như: Cơ cấu xã hội - dân cư; cơ cấu xã hội - giai cấp; cơ cấu xã hội - nghề nghiệp; cơ cấu xã hội - dân tộc; cơ cấu xã hội - tín ngưỡng, tôn giáo; …

- *Cơ cấu xã hội - giai cấp* là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội… giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

- *Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau. Yếu tố quyết định mối quan hệ đó là họ cùng chung sức cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các giai cấp, tầng lớp xã hội và các nhóm xã hội cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu chủ, tầng lớp thanh niên, phụ nữ v.v… Mỗi giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội này có những vị trí và vai trò xác định song đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân.

*b. Vị trí cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội*

Trong hệ thống xã hội, mỗi loại hình cơ cấu xã hội đều có vị trí, vai trò xác định và giữa chúng có mối quan hệ, phụ thuộc lẫn nhau. Trong đó, cơ cấu xã hội - giai cấp có vị trí quan trọng hàng đầu, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác, bởi vì:

- Cơ cấu xã hội - giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước, đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý tổ chức lao động, vấn đề phân phối thu nhập… trong một hệ thống sản xuất nhất định. Các loại hình cơ cấu xã hội khác không có được những mối quan hệ quan trọng và quyết định này.

- Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của các cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội. Những đặc trưng và xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, qua đó thấy rõ thực trạng, qui mô, vai trò, sứ mệnh và tương lai của các giai cấp, tầng lớp trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội và phất triển xã hội. Vì vậy, cơ cấu xã hội - giai cấp là căn cứ cơ bản để từ đó xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi xã hội trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

**2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**

Cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thường xuyên có những biến đổi mang tính qui luật sau:

*Một là,* cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị qui định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Trong một hệ thống sản xuất nhất định, cơ cấu xã hội - giai cấp thường xuyên biến đổi do tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là những thay đổi về phương thức sản xuất, về cơ cấu ngành nghề, thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế, cơ chế kinh tế,…

- Trong thời kỳ mới, cơ cấu kinh tế tất yếu có những biến đổi và những thay đổi đó cũng tất yếu dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội theo hướng phục vụ thiết thực lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng cộng sản lãnh đạo. Cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ tuy vận động theo cơ chế thị trường, song có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

- Ở những nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm thấp, cơ cấu kinh tế sẽ có những biến đổi đa dạng. Do đó, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội cũng thay đổi theo. Mặt khác, nền kinh tế thị trường phát triển mạnh với tính cạnh tranh cao, cộng với xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng khiến cho các giai cấp, tầng lớp xã hội cơ bản trong thời kỳ này trở nên năng động, có khả năng thích ứng nhanh, chủ động sáng tạo trong lao động sản xuất để tạo ra những sản phẩm có giá trị, hiệu quả cao và chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường trong bối cảnh mới.

*Hai là,* cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.

Trong thời kỳ quá độ, bên cạnh những dấu vết của xã hội cũ, xuất hiện những yếu tố của xã hội mới do giai cấp công nhân và các giai cấp, tầng lớp trong xã hội bắt tay vào tổ chức xây dựng. Cùng với đó là sự đa dạng, phức tạp của kết cấu kinh tế nhiều thành phần dẫn đến những biến đổi đa dạng, phức tạp trong cơ cấu xã hội - giai cấp mà biểu hiện của nó sự tồn tại các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, giai cấp tư sản, đã xuất hiện sự tồn tại và phát triển của các tầng lớp xã hội mới như: tầng lớp doanh nhân, tiểu chủ, tầng lớp những người giàu có và trung lưu của xã hội…

*Ba là,* cơ cấu - xã hội giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau.

- Mức độ liên minh, xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội tùy thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ. Tính đa dạng và tính độc lập tương đối của các giai cấp, tầng lớp sẽ diễn ra việc hòa nhập, chuyển đổi bộ phận giữa các nhóm xã hội và có xu hướng tiến tới từng bước xóa bỏ dần tình trạng bóc lột giai cấp trong xã hội, vươn tới những giá trị công bằng, bình đẳng. Đây là một quá trình lâu dài thông qua những cải biến cách mạng toàn diện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Trong cơ cấu xã hội - giai cấp ấy, giai cấp công nhân, lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới giữ vai trò chủ đạo, tiên phong trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Vai trò chủ đạo của giai cấp công nhân còn được thể hiện ở sự phát triển mối quan hệ liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ngày càng giữ vị trí nền tảng chính trị - xã hội, từ đó tạo nên sự thống nhất của cơ cấu xã hội - giai cấp trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳquá độ lên chủ nghĩa xã hội**

**1. Xét dưới góc độ chính trị**

- Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng chế độ xã hội mới.

- Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao đông khác, trong đó trước hết là với trí thức thì không những xây dựng được cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc.

**2. Xét dưới góc độ kinh tế**

- Liên minh này được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ…, xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội. Mỗi lĩnh vực của nền kinh tế chỉ phát triển được khi gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau để cùng hướng tới phục vụ phát triển sản xuất và tạo thành nền cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.

- Việc hình thành khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cũng xuất phát từ chính nhu cầu và lợi ích kinh tế của họ nên các chủ thể của các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ… tất yếu phải gắn bó, liên minh chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và lợi ích kinh tế chung của mình.

=> Tuy nhiên, quan hệ lợi ích giữa công nhân, nông dân, trí thức cũng có những biểu hiện mới, phức tạp: bên cạnh sự thống nhất lợi ích về mặt kinh tế, xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích ở những mức độ khác nhau. Do vậy, quá trình thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, đồng thời là quá trình liên tục phát hiện ra những mâu thuẫn và có giải pháp kịp thời, phù hợp để giải quyết mâu thuẫn nhằm tạo sự đồng thuận và tạo động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời tăng cường khối liên minh này ngày càng bền chặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản của giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

**III. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

**1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Trong thời kỳ này, cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam có những đặc điểm nổi bật sau:

*- Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp vừa đảm bảo tính qui luật phổ biến, vừa mang tính đặc thù của xã hội Việt Nam*

+ Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp bị chi phối bởi những biến đổi trong cơ cấu kinh tế. Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế đã dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp với việc hình thành một cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng thay thế cho cơ cấu xã hội đơn giản gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức của thời kỳ trước đổi mới.

+ Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp diễn ra trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cơ bản của xã hội; thậm chí có sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, đồng thời xuất hiện những tầng lớp xã hội mới. Chính những biến đổi mới này cũng là một trong những yếu tố có tác động trở lại làm cho nền kinh tế đất nước phát triển trở nên năng động, đa dạng hơn và trở thành động lực góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*- Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội ngày càng được khẳng định*

*+ Giai cấp công nhân Việt Nam,* có vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giữa vai trò tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân có những biến đổi cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Bộ phận công nhân hiện đại, công nhân tri thức sẽ ngày càng lớn mạnh. Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân cũng ngày càng được nâng lên. Bên cạnh đó, sự phân hóa giàu - nghèo trong nội bộ công nhân ngày càng rõ nét. Một bộ phận công nhân thu nhập thấp, giác ngộ ý thức chính trị chưa cao và còn nhiều khó khăn về mọi mặt vẫn tồn tại.

*+ Giai cấp nông dân,* cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái, là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp…

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp nông dân cũng có sự biến đổi, đa dạng về cơ cấu giai cấp; có xu hướng giảm dần về số lượng và tỷ lệ trong cơ cấu xã hội - giai cấp. Một bộ phận nông dân chuyển sang lao động trong các khu công nghiệp, hoặc dịch vụ có tính chất công nghiệp và trở thành công nhân. Trong giai cấp nông dân xuất hiện những chủ trang trại lớn, đồng thời vẫn còn những nông dân mất ruộng đất, nông dân đi làm thuê… và sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ nông dân ngày càng rõ.

*+ Đội ngũ trí thức,* là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là lực lượng trong khối liên minh. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị.

*+ Đội ngũ doanh nhân,* hiện nay ở Việt Nam, đang phát triển mạnh cả về số lượng và qui mô với vai trò không ngừng tăng lên. Đây là tầng lớp xã hội đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh. Trong đội ngũ doanh nhân có các doanh nhân với tiềm lực kinh tế lớn, có những doanh nhân vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, đội ngũ này đang đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo.

*+ Phụ nữ,* là một lực lượng quan trọng và đông đảo trong đội ngũ những người lao động tạo dựng nên xã hội và đóng góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phụ nữ thể hiện vai trò quan trọng của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Ở bất cứ thời đại nào, quốc gia, dân tộc nào, phụ nữ cũng phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức vươn lên đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, duy trì ảnh hưởng của mình trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

*+ Đội ngũ thanh niên,* là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước. Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân cho thanh niên, nhất là học sinh, sinh viên để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có trách nhiệm với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

**2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

*a) Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

*- Nội dung kinh tế của liên minh:*

+ Thực chất là sự hợp tác giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, đồng thời mở rộng liên kết hợp tác với các lực lượng khác, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân… để xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa hiện đại.

+ Xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên và tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí.

+ Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ…, giữa các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế… để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội.

+ Chuyển giao ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ cao vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nhằm gắn kết chặt chẽ các lĩnh vực kinh tế cơ bản của quốc gia, qua đó gắn bó chặt chẽ công nhân, nông dân, trí thức và các lực lượng khác trong xã hội làm cơ sở kinh tế - xã hội cho sự phát triển của quốc gia.

=> Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, nhằm tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội

*- Nội dung chính trị của liên minh:*

+ Nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đảm bảo các lợi ích chính trị, các quyền dân chủ, quyền công dân, quyền làm chủ, quyền con người của công nhân, nông dân, trí thức và của nhân dân lao động, từ đó thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Động viên các lực lượng trong khối liên minh gương mẫu chấp hành đường lối chính trị của Đảng, pháp luật và chính sách của nhà nước; sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

*- Nội dung văn hóa xã hội của liên minh:*

+ Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xóa đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội.

*b) Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

*Một là,* đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.

Cơ cấu xã hội muốn phát triển theo hướng tích cực phải dựa trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với kinh tế tri thức để tạo môi trường điều kiện và động lực thúc đẩy sự biến đổi cơ cấu xã hội theo hướng ngày càng phù hợp và tiến bộ hơn. Tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường là sơ sở và điều kiện thuận lợi cho biến đổi tích cực của cơ cấu xã hội, đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nó đến biến đổi cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp.

*Hai là,* xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp.

Trong hệ thống chính sách xã hội, các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp cần được đặt lên vị trí hàng đầu. Cần có sự quan tâm thích đáng và phù hợp đối với mỗi giai cấp, tầng lớp xã hội. Cụ thể:

- *Đối với công nhân,* quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phát triển cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; bảo đảm việc làm nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ công nhân; sửa đổi bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,… để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân.

- *Đối với giai cấp nông dân,* xây dựng và phát huy vai trò chủ thể của họ trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin…, cải thiện chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả và bền vững công cuộc xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp.

*- Đối với đội ngũ trí thức,* xây dựng đội ngũ này ngày càng lớn mạnh, chất lượng cao. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của họ. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài xây dựng đất nước.

*-* *Đối với đội ngũ doanh nhân,* tạo cơ chế, môi trường thuận lợi cho doanh nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm cao với xã hội. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước.

- *Đối với phụ nữ,* nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ phát triển toàn diện, phát triển tài năng, thực hiện tốt vai trò của mình. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều liện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào cấp ủy và bộ máy quản lý các cấp. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và xử lý nghiêm minh theo luật pháp các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại nhân phẩm phụ nữ.

*- Đối với thế hệ trẻ,* đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực. Khuyến khích thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Ba là,* tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khối liên minh, của việc phát huy vai trò của mọi thành phần trong cơ cấu xã hội - giai cấp, từ đó xây dựng chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với từng đối tượng để tạo động lực và tạo sự đồng thuận xã hội.

Tiếp tục giải quyết tốt các mâu thuẫn, các khác biệt và phát huy sự thống nhất trong các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm tạo sự đồng thuận, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Bốn là*, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực là phương thức căn bản và quan trọng để thực hiện và tăng cường liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay.

Đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ hiện đại, những thành tựu mới của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tất cả các ngành, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ…

*Năm là,* đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đối với tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển bền vững đất nước.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà nước theo hướng tinh giản, hiệu quả, xây dựng Nhà nước phục vụ, kiến tạo phát triển nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành viên trong xã hội được phát triển một cách công bằng trước pháp luật. Mọi chính sách pháp luật của Nhà nước phải nhằm phục vụ, bảo vệ và vì lợi ích căn bản chính đáng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc với việc tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt trận Tổ quốc thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Công đoàn, Hội nông dân, Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, các hoạt động của đội ngũ doanh nhân… Trong liên minh cần đặc biệt chú trọng hình thức liên minh của thế hệ trẻ. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam cần chủ động hướng dẫn các hình thức hoạt động, các phong trào thi đua yêu nước, phat huy tài năng sáng tạo của tuổi trẻ vì sụ nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

Câu 1: Phân tích khái niệm cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đưa ra dẫn chứng về thực trạng cơ cấu xã hội - giai cấp ở địa phương?

Câu 2: Trong cơ cấu xã hội - giai cấp thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì giai cấp nào giữ vai trò chủ đạo, tiên phong trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Liên hệ với Việt Nam?

Câu 3: Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản nào. Phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam?

Câu 4: Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay?

Câu 5: Làm rõ trách nhiệm của thanh niên, sinh viên trong việc góp phần củng cố khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

**Chương 6**

**VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**

**I. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

**1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc**

Khái niệm dân tộc được hiểu theo hai nghĩa cơ bản:

*- Hiểu theo nghĩa rộng, dân tộc (Nation)* là khái niệm dùng để chỉ *một cộng đồng người ổn định tạo thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.* Với nghĩa này, khái niệm dân tộc dùng để chỉ một quốc gia, nghĩa là toàn bộ nhân dân của một nước.

Theo nghĩa rộng khái niệm dân tộc có những đặc trưng cơ bản sau:

*- Thứ nhất,* có chung một vùng lãnh thổ ổn định

+ Lãnh thổ là dấu hiệu xác định không gian sinh tồn, vị trí địa lý của một dân tộc, biểu thị vùng đất, vùng trời, vùng biển mà mỗi dân tộc được quyền sở hữu. Lãnh thổ là yếu tố thể hiện chủ quyền của một dân tộc trong tương quan với các quốc gia - dân tộc khác. Trên không gian đó, các cộng đồng người có mối quan hệ gắn bó với nhau, cư trú đan xen với nhau.

+ Đối với quốc gia và từng thành viên dân tộc, yếu tố lãnh thổ là thiêng liêng nhất. Bảo vệ chủ quyền quốc gia là nghĩa vụ và trách nhiệm cao nhất của mỗi thành viên dân tộc. Chủ quyền quốc gia - dân tộc về lãnh thổ là một khái niệm xác định thường được thể chế hóa thành luật pháp quốc gia và luật pháp quốc tế. Vận mệnh dân tộc một phần rất quan trọng gắn với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ quốc gia dân tộc.

*- Thứ hai,* có chung phương thức sinh hoạt kinh tế

Đây là đặc trưng quan trọng nhất của dân tộc và là cơ sở để gắn kết các bộ phận, các thành viên của dân tộc, tạo nên tính thống nhất, ổn định bền vững của dân tộc. Mối quan hệ kinh tế là nền tảng cho sự vững chắc của cộng đồng dân tộc. Nếu thiếu tính cộng đồng chặt chẽ, bền vững về kinh tế thì cộng đồng người chưa thể trở thành dân tộc.

*- Thứ ba,* có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp

Mỗi một dân tộc có ngôn ngữ riêng, bao gồm cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, làm công cụ giao tiếp giữa các thành viên trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và tình cảm… Trong một quốc gia có nhiều cộng đồng tộc người, với các ngôn ngữ khác nhau, nhưng bao giờ cũng sẽ có một ngôn ngữ chung, thống nhất. Tính thống nhất trong ngôn ngữ dân tộc được thể hiện trước hết ở sự thống nhất về cấu trúc ngữ pháp và kho từ vựng cơ bản. Ngôn ngữ dân tộc là một ngôn ngữ đã phát triển và sự thống nhất về ngôn ngữ là một trong những đặc trưng chủ yếu của dân tộc.

*- Thứ tư,* có chung một nền văn hóa và tâm lý

Văn hóa dân tộc được biểu hiện thông qua tâm lý, tính cách, phong tục, tập quán, lối sống dân tộc, tạo nên bản sắc riêng của từng dân tộc. Văn hóa dân tộc gắn bó chặt chẽ với văn hóa của các cộng đồng tộc người trong một quốc gia. Văn hóa là một yếu tố đặc biệt quan trọng của sự liên kết cộng đồng. Mỗi dân tộc có một nền văn hóa độc đáo của dân tộc mình. Trong sinh hoạt cộng đồng, các thành viên của dân tộc thuộc các thành phần xã hội khác nhau tham gia vào sự sáng tạo giá trị văn hóa chung của dân tộc, đồng thời hấp thụ các giá trị văn hóa chung.

Văn hóa của một dân tộc không thể phát triển nếu không giao lưu với văn hóa của các dân tộc khác. Tuy nhiên, trong giao lưu văn hóa, các dân tộc luôn có ý thức bảo tồn và phát triển bản sắc của mình, tránh nguy cơ đồng hóa về văn hóa.

*- Thứ năm,* có chung một nhà nước (nhà nước dân tộc)

Các thành viên cũng như các cộng đồng tộc người trong một dân tộc đều chịu sự quản lý, điều khiển của một nhà nước độc lập. Đây là yếu tố phân biệt dân tộc - quốc gia và dân tộc - tộc người. Hình thức tổ chức, tính chất của nhà nước do chế độ chính trị của dân tộc quyết định. Nhà nước là đặc trưng cho thể chế chính trị của dân tộc, là đại diện cho dân tộc trong quan hệ với các quốc gia dân tộc khác trên thế giới.

Theo nghĩa hẹp,dân tộc *(Ethnies),* là khái niệm dùng để chỉ *một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa.* Cộng đồng này xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tố tộc người của các cộng đồng đó. Với nghĩa này, dân tộc là một bộ phận hay thành phần của quốc gia.

*Dân tộc - tộc người ba đặc trưng cơ bản sau:*

*- Cộng đồng về ngôn ngữ* (bao gồm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói). Đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt các tộc người khác nhau và là vấn đề luôn được các dân tộc coi trọng và giữ gìn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển tộc người vì nhiều nguyên nhân khác nhau, có những tộc người không còn ngôn ngữ mẹ đẻ mà sử dụng ngôn ngữ khác làm công cụ giao tiếp.

*- Cộng đồng về văn hóa, v*ăn hóa bao gồm văn hóa vật thể và phi vật thể ở mỗi tộc người phản ánh truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của tộc người đó. Lịch sử phát triển của các tộc người gắn liền với truyền thống văn hóa của họ. Ngày nay, cùng với xu thế giao lưu văn hóa vẫn song song tồn tại xu thế bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của mỗi tộc người.

*- Ý thức tự giác tộc người,* đây là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người. Đặc trưng nổi bật là các tộc người luôn tự ý thức về nguồn gốc, tộc danh của dân tộc mình; đó còn là ý thức tự khẳng định sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người dù cho có những tác động làm thay đổi địa bàn cư trú, lãnh thổ, hay tác động ảnh hưởng của giao lưu kinh tế, văn hóa…

**2.** **Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc**

*a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc*

V.I.Lênin đã phát hiện ra hai xu hướng khách quan trong sự phát triển quan hệ dân tộc.

*- Xu hướng thứ nhất,* *cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập*. Nguyên nhân là do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra để thành lập các dân tộc độc lập. Xu hướng này thể hiện rõ nét trong phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.

*- Xu hướng thứ hai,* *các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau*. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi bóc lột thuộc địa; do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng này diễn ra với những biểu hiện rất đa dạng và phong phú.

*+ Trong phạm vi một quốc gia:* Xu hướng thứ nhất thể hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc (tộc người) để đi tới sự tự do, bình đẳng và phồn vinh của dân tộc mình. Xu hướng thứ hai thể hiện ở sự xuất hiện những động lực thúc đẩy các dân tộc trong một cộng đồng quốc gia xích lại gần nhau hơn, hòa hợp với nhau ở mức độ cao hơn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

*+ Trong phạm vi quốc tế:* Xu hướng thứ nhất thể hiện trong phong trào giải phóng dân tộc nhằm chống lại chủ nghĩa đế quốc và chống chính sách thực dân đô hộ dưới mọi hình thức, phá bỏ mọi áp bức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc. Xu hướng thứ hai thể hiện ở xu thế các dân tộc muốn xích lại gần nhau, hợp tác với nhau để hình thành liên minh dân tộc ở phạm vi khu vực hoặc toàn cầu. Xu hướng này tạo điều kiện để các dân tộc tận dụng tối đa những cơ hội, thuận lợi từ bên ngoài để phát triển phồn vinh dân tộc mình.

*b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin*

V.I.Lênin đã khái quát Cương lĩnh dân tộc như sau:

*Một là, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng*

- Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

- Trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.

- Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng trấn áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

=> Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc

*Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết*

Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

- Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn - cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp công nhân.

- Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

*Ba là, liên hiệp công nhân các dân tộc*

Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung này vừa là nội dung chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

=> Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các Đảng Cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam**

*a. Đặc điểm dân tộc Việt Nam*

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người có những đặc điểm nổi bật sau:

*Thứ nhất: Có sự chênh lệch về dân số giữa các tộc người*

Việt Nam có 54 dân tộc. Dân tộc Kinh (Việt) là dân tộc đa số gồm 82.085.826 triệu người chiếm 85,3% dân số cả nước; 53 dân tộc thiểu số chiếm 14,7% dân số. Tỷ lệ dân số giữa các dân tộc cũng không đồng đều, có 6 dân tộc với số dân hơn 1 triệu người như: Tày, Thái, Mường, Khmer, H.Mông, Nùng (trong đó dân tộc Tày có số dân đông nhất khoảng 1,85 triệu người); 11 dân tộc có số dân chỉ vài trăm như: Silla, Pu péo, Rơmăm, Brâu, Ơđu… (Ơđu, là dân tộc có số dân ít nhất 428 người). Thực tế cho thấy nếu một dân tộc mà số dân chỉ có hàng trăm sẽ gặp rất nhiều khó khăn cho việc tổ chức cuộc sống, bảo tồn tiếng nói và văn hóa dân tộc, duy trì và phát triển giống nòi. Do vậy, việc phát triển số dân hợp lý cho các dân tộc thiểu số, đặc biệt đối với những dân tộc thiểu số rất ít người đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam có những chính sách quan tâm đặc biệt.

*Thứ hai: Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau*

Việt Nam vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. Tính chất chuyển cư như vậy đã tạo nên bản đồ cư trú của các dân tộc trở nên phân tán, xen kẽ và làm cho các dân tộc ở Việt Nam không có lãnh thổ tộc người riêng. Vì vậy, không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung duy nhất trên một địa bàn. Đặc điểm này một mặt tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc tăng cường hiểu biết lẫn nhau, mở rộng giao lưu giúp đỡ nhau cùng phát triển và tạo nên một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Mặt khác, do có nhiều tộc người sống xen kẽ nên trong quá trình sinh sống dễ nảy sinh mâu thuẫn, xung đột, tạo kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc phá hoại an ninh chính trị và sự thống nhất của đất nước.

*Thứ ba: Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng*

Mặc dù chỉ chiếm 14,7% dân số, nhưng 53 dân tộc thiểu số Việt Nam lại cư trú trên ¾ diện tích lãnh thổ và ở những vị trí trọng yếu của quốc gia cả về kinh tế, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái - đó là vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa của đất nước. Một số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng và khu vực: Thái, H. Mông, Khmer, Hoa… do vậy, các thế lực phản động thường lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng Việt Nam.

*Thứ tư: Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều*

Các dân tộc ở nước ta có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Một số ít dân tộc vẫn còn duy trì kinh tế chiếm đoạt, dựa vào khai thác tự nhiên; tuy nhiên, đại bộ phận các dân tộc Việt Nam đã chuyển sang phương thức sản xuất tiến bộ, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Về văn hóa, trình độ dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật của nhiều dân tộc thiểu số còn thấp.

Muốn thực hiện bình đẳng dân tộc, phải từng bước giảm, tiến tới xóa bỏ khoảng cách phát triển giữa các dân tộc về kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây là nội dung quan trọng trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam để các dân tộc thiểu số phát triển nhanh và bền vững.

*Thứ năm: Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất*

Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống quý báu của các dân tộc Việt Nam, là một trong những nguyên nhân và động lực quyết định mọi thắng lợi của dân tộc trong các giai đoạn lịch sử; đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược để giành độc lập thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, để thực hiện thắng lợi chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, các dân tộc thiểu số cũng như đa số phải ra sức phát huy nội lực, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, nâng cao cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

*Thứ sáu: mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất*

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trong văn hóa của mỗi dân tộc đều có những sắc thái độc đáo riêng góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Sự thống nhất đó, suy cho cùng là bởi, các dân tộc đều có chung một lịch sử dựng nước và giữ nước, đều sớm hình thành ý thức về một quốc gia độc lập, thống nhất.

*b. Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc*

*\*)**Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc*

Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam khẳng định: “Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số… Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chống kỳ thị dân tộc, nghiêm trị những âm mưu hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc”.

*Quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc thể hiện ở nội dung sau:*

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

- Các dân tộc trong gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.

*\*) Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam*

*- Về chính trị,* thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*- Về kinh tế,* nội dung, nhiệm vụ kinh tế trong chính sách dân tộc là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiểm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng các dân tộc. Thực hiện các nội dung kinh tế thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế trị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ địa cách mạng.

*- Về văn hóa,* xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc. Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc. Đồng thời, mở rộng giao lưu văn hóa với các quốc gia, các khu vực và trên thế giới. Đấu tranh chống tệ nạn xã hội, chống diễn biến hòa bình trên mặt trận tư tưởng - văn hóa ở nước ta hiện nay.

*- Về xã hội,* thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù của mỗi vùng, mỗi dân tộc. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

*- Về an ninh quốc phòng,* tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên từng địa bàn. Tăng cường quan hệ quân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống.

Thực hiện đúng chính sách dân tộc hiện nay ở Việt Nam là phải phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng các địa bàn vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, rừng núi, hải đảo của tổ quốc.

**II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

**1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo**

*a. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo*

*Thứ nhất, bản chất của tôn giáo*

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí. Vì vậy, về bản chất: *Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hóa do con người sáng tạo ra.* Sản xuất vật chất và các quan hệ kinh tế, xét đến cùng là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các hình thái ý thức xã hội, trong đó có tôn giáo. Do đó, mọi quan niệm về tôn giáo, các tổ chức, thiết chế tôn giáo đều được sinh ra từ những hoạt động sản xuất, từ những điều kiện sống nhất định trong xã hội và thay đổi theo những thay đổi của cơ sở kinh tế.

*Về phương diện thế giới quan,* các tôn giáo mang thế quan duy tâm nhưng những người cộng sản với lập trường mác xít không bao giờ có thái độ xem thường hoặc trấn áp những nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; ngược lại, luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của nhân dân. Trong những điều kiện cụ thể của xã hội, những người cộng sản và những người có tín ngưỡng tôn giáo có thể cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn ở thế giới hiện thực.

Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định.

*Tín ngưỡng* là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che trở, giúp đỡ. Có nhiều loại tín ngưỡng khác nhau: Thờ cúng tổ tiên; thờ anh hùng dân tộc, thờ mẫu, thờ thánh, thờ thần…

*Mê tín dị đoan* là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên, thần thánh đến mức độ mê muội, cuồng tín, dẫn đến những hành vi cực đoan, sai lệch quá mức, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật, gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng.

*Thứ hai, nguồn gốc của tôn giáo*

*- Nguồn gốc tự nhiên kinh tế - xã hội:* Trong xã hội nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, trước thiên nhiên hùng vĩ tác động và chi phối khiến con người cảm thấy yếu đuối và bất lực, không giải thích được, nên con người đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí.

Khi xã hội xuất hiện các giai cấp đối kháng, có áp bức bất công, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và áp bức bất công, tội ác… con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

*- Nguồn gốc nhận thức:* Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết” vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển.

*- Nguồn gốc tâm lý:* Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm một việc lớn, con người cũng dễ tìm đến tôn giáo. Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo.

*Thứ ba, tính chất của tôn giáo*

*- Tính lịch sử của tôn giáo:* Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, nghĩa là nó có sự hình thành, tồn tại, phát triển và có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Khi các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi theo. Đến một giai đoạn lịch sử nào đó khi khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi người.

*- Tính quần chúng của tôn giáo:* Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ rất đông đảo (gần ¾ dân số thế giới); mà còn thể hiện ở chỗ, các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân. Dù tôn giáo hướng con người vào niềm tin hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội bình đẳng, tự do. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là quần chúng lao động, tin theo.

*- Tính chính trị của tôn giáo:* Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích giai cấp. Tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị. Mặt khác khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích của giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

*b. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

*- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân*

Tôn trọng tự do tín ngưỡng cũng chính là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không can thiệp và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân. Các tôn giáo và hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo bình thường, các cơ sở thờ tự, các phương tiện phục vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của người dân được Nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng và bảo hộ.

*- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới*

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xóa bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng của con người, phải xóa bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Điều cần thiết trước hết là phải xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học… cũng như những tệ nạn nảy sinh trong xã hội. Đó là một quá trình lâu dài, và không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

*- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo*

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyêt vấn đề tôn giáo thực chất là phân biệt tính chất khác nhau của hai loại mâu thuẫn luôn tồn tại trong bản thân tôn giáo và trong vấn đề tôn giáo. Sự phân biệt này, trong thực tế không đơn giản, bởi lẽ, trong đời sống xã hội, hiện tượng nhiều khi phản ánh sai lệch bản chất, mà vấn đề chính trị và tư tưởng tôn giáo thường đan xen vào nhau. Mặt khác, trong xã hội có đối kháng giai cấp, tôn giáo thường bị yếu tố chính trị chi phối rất sâu sắc, nên khó nhận biết vấn đề chính trị hay tư tưởng thuần túy trong tôn giáo. Việc phân biệt hai mặt này là cần thiết nhằm tránh khuynh hướng cực đoan trong quá trình quản lý, ứng xử những vấn đề liển quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

*- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo*

Tôn giáo không phải là một hiện tượng xã hội bất biến, ngược lại, nó luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tùy thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội - lịch sử cụ thể. Mỗi tôn giáo đều có lịch sử hình thành, có quá trình tồn tại và phát triển nhất định. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về những lĩnh vực của đời sống xã hội luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.

**2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay**

*a. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam*

*Thứ nhất, Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo*

Hiện nay ở nước ta có 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo đã được công nhận và cấp đăng ký hoạt động với khoảng 57.000 chức sắc, 157.000 chức việc và hơn 29.000 cơ sở thờ tự. Các tổ chức tôn giáo có nhiều hình thức tồn tại khác nhau. Có tôn giáo du nhập từ bên ngoài, với những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, như Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo; có tôn giáo nội sinh, như Cao Đài, Hòa Hảo.

*Thứ hai, tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo*

Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều luồng văn hóa thế giới. Các tôn giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về nguồn gốc và truyền thống lịch sử. Mỗi tôn giáo ở Việt Nam có quá trình lịch sử tồn tại và phát triển khác nhau. Tín đồ của tôn giáo khác nhau cùng chung sống hòa bình trên một địa bàn, giữa họ có sự tôn trọng niềm tin của nhau và chưa từng xảy ra xung đột, chiến tranh tôn giáo. Thực tế cho thấy, không có một tôn giáo nào du hập vào Việt Nam mà không mang dấu ấn, không chịu ảnh hưởng của bản sắc văn hóa Việt Nam.

*Thứ ba, tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc*

Tín đồ các tôn giáo Việt Nam có thành phần rất đa dạng, chủ yếu là người lao động… Đa số tín đồ các tôn giáo đều có tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm, tôn trọng công lý, gắn bó với dân tộc, đi theo Đảng, theo cách mạng, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Trong các giai đoạn lịch sử, tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân làm nên những thắng lợi to lớn, vẻ vang của dân tộc và có ước vọng sống *“tốt đời, đẹp đạo”.*

*Thứ tư, hàng ngũ các chức sắc tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ*

Chức sắc tôn giáo là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo, họ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo. Về mặt tôn giáo, chức năng của họ là truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, giáo lễ, quản lý tổ chức của tôn giáo, duy trì, củng cố, phát triển tôn giáo, chuyên chăm lo đến đời sống tâm linh của tín đồ.

*Thứ năm, các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài*

Nhìn chung các tôn giáo ở nước ta, không chỉ các tôn giáo ngoại nhập, mà cả các tôn giáo nội sinh đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài hoặc các tổ chức tôn giáo quốc tế. Hiện nay Việt Nam có quan hệ ngoại giao với hơn 200 nước và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, đây là điều kiện gián tiếp củng cố và phát sinh mối quan hệ giữa các tôn giáo Việt Nam với tôn giáo các nước trên thế giới. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam phải đảm bảo kết hợp giữa mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế với việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, không để cho kẻ địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá, can thiệp vào công việc nội bộ của Nhà nước Việt Nam.

*b. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay*

- Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tín ngưỡng, tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một mặt, nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; mặt khác, thông qua quá trình vận động quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội thực tiễn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ kiến thức… để tăng cường sự đoàn kết dân tộc, để cùng nhau xây dựng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo, đều có quyền, nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng*

Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa vùng đồng bào theo các tôn giáo, nhằm nâng cao trình độ, đời sống mọi mặt cho đồng bào, làm cho quần chúng nhân dân nhận thức đầy đủ, đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, trong đó chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước

*- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị*

Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, bao gồm hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị do Đảng lãnh đạo. Cần củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo các cấp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh với hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích của Tổ quốc của dân tộc.

*- Vấn đề theo đạo và truyền đạo*

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

**III. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam**

**1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam**

*a. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất*

- Trong lịch sử cũng như hiện tại, các tôn giáo ở Việt Nam có truyền thống gắn bó chặt chẽ với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc, gắn đạo với đời. Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo nhìn chung đều đoàn kết ý thức rõ về cội nguồn, về một quốc gia - dân tộc thống nhất cùng chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Khi đất nước giành được độc lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quan hệ dân tộc và tôn giáo luôn được coi trọng và được giải quyết khá tốt, không dẫn đến những xung đột lớn trong nội bộ quốc gia. Tuy nhiên, có nơi, có lúc quan hệ này vẫn nảy sinh những mâu thuẫn cần phải nhận diện rõ và đánh giá một cách khách quan, khoa học để tiếp tục tăng cường giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo nhằm một mặt, phát huy những giá trị tốt đẹp của các dân tộc và những giá trị đạo đức, văn hóa của các tôn giáo, tín ngưỡng góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam, mặt khác, đảm bảo sự ổn định chính trị quốc gia.

*b. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống*

- Ở Việt Nam, tín ngưỡng truyền thống biểu hiện ở nhiều cấp độ, trên phạm vi cả nước, diễn ra trong mọi gia đình, dòng họ không phân biệt dân tộc, tôn giáo. Trong đó tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ anh hùng dân tộc, những người có công với dân, với nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống tâm linh người Việt.

- Việt Nam là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa trên thế giới và phần lớn các tôn giáo đều là tôn giáo ngoại sinh. Các nền văn hóa hay các tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào muốn “cắm rễ” vào dân tộc và phát triển được trên lãnh thổ Việt Nam đều phải biến đổi ít nhiều để phù hợp với truyền thống dân tộc, với nền tảng văn hóa bản địa, trong đó có sự chi phối của tín ngưỡng truyền thống, nhất là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

*c. Hiện tượng các tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc*

Từ khi đất nước thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng thì đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt Nam cũng phát triển. Tính chất mê tín của các hiện tượng tôn giáo mới khá rõ, thậm chí, một số nhóm lợi dụng niềm tin tôn giáo để tuyên truyền những nội dung gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, hoặc thực hành những nghi lễ phản văn hóa, truyền đạo trái phép, phát tán các tài liệu có nội dung xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm phương hại đến mối quan hệ dân tộc và tôn giáo, ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo; gây ra nhiều vấn đề phức tạp và tác động tiêu cực đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nhiều vùng dân tộc. Do vậy, các hiện tượng tôn giáo mới phát triển mạnh hiện nay cần phải được quản lý tốt nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị quốc gia và đảm bảo giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta.

**2. Định hướng giải quyết mói quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay**

*a. Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam*

Hiện nay, sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam càng cần có một sự đoàn kết rộng rãi của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc và tôn giáo… để tạo động lực to lớn thúc đẩy công cuộc kiến tạo đất nước phồn vinh, phát triển bền vững và bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của quốc gia. Với yêu cầu đó, xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải luôn là môi trường, điều kiện thuận lợi nhất cho tất cả các dân tộc, các tôn giáo được tự do phát triển theo đúng qui định của pháp luật, phát huy mọi nguồn lực đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*b. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa*

Để giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo cần phải tuân thủ nguyên tắc: giải quyết vấn đề tôn giáo trên cơ sở vấn đề dân tộc, tuyệt đối không được lợi dụng vấn đề tôn giáo đòi ly khai dân tộc, hay chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc làm tổn hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc, mà phải đảm bảo giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất đất nước. Thực hiện quan điểm có tính nguyên tắc này nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở mỗi địa bàn, nhất là vùng dân tộc thiểu số, vùng có đạo, cũng như đảm bảo sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ trong một cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*c. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.*

Giải quyết tốt mối quan hệ này là nhằm đảm bảo cho con người những quyền cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và tín ngưỡng, tôn giáo. Song quyền phải gắn với pháp luật, do vậy đảm bảo quyền của các dân tộc, quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng cũng chính là đảm bảo thực hiện những nội dung cốt yếu của quyền con người trong khuôn khổ pháp luật.

Tăng cường củng cố an ninh quốc phòng, làm tốt công tác vận động quần chúng, đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện các chương trình phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”.

Chủ động vạch trần những âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch trong việc lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo, hoặc kết hợp vấn đề dân tộc với vấn đề tôn giáo nhằm “tôn giáo hóa dân tộc” của chúng. Kiên quyết đấu tranh, xử lý các tổ chức, các đối tượng có các hoạt động vi phạm pháp luật truyền đạo trái phép, hoặc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo và nhân quyền để kích động quần chúng, chia rẽ tình đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

*Tóm lại*, nhận diện rõ những đặc điểm của quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta hiện nay để một mặt tiếp tục phát huy hiệu quả và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo tạo sự đồng thuận, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

Câu 1: Phân tích nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung nào được coi là quan trọng nhất để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chủ thể thống nhất?

Câu 2: Anh, chị hãy nêu một số quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

Câu 3: Phân tích khái niệm dân tộc. Tại sao nói: giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam là yếu tố quan trọng nhất để có thể hội nhập thành công trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay?

Câu 4: Từ việc phân tích khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo. Anh, chị hãy liên hệ với sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, đưa ra và phê phán các hiện tượng mê tín dị đoan trong đời sống hiện nay?

Câu 5: Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo. Việt Nam có những tôn giáo lớn nào?

Câu 6: Phân tích mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc?

**Chương 7**

**VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ**

**LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

**I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình**

**1. Khái niệm gia đình**

Gia đình là một cộng đồng người đặc biệt, có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội*.* Cơ sở hình thành gia đình là hai mối quan hệ cơ bản, quan hệ hôn nhân (vợ và chồng) và quan hệ huyết thống (cha mẹ và con cái…). Những mối quan hệ này tồn tại trong sự gắn bó, liên kết, ràng buộc và phụ thuộc lẫn nhau, bởi nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người, được quy định bằng pháp lý hoặc đạo lý.

- Quan hệ hôn nhân là cơ sở, nền tảng hình thành nên các mối quan hệ khác trong gia đình, là cơ sở pháp lý cho sự tồn tại của mỗi gia đình.

- Quan hệ huyết thống là quan hệ giữa những người cùng dòng máu, nảy sinh từ quan hệ hôn nhân - là mối quan hệ tự nhiên gắn kết các thành viên trong gia đình lại với nhau.

- Bên cạnh đó, dù hình thành dưới hình thức nào (cùng huyết thống hay giữa cha mẹ nuôi và con nuôi) trong gia đình tất yếu nảy sinh quan hệ nuôi dưỡng, đó là sự quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng giữa các thành viên trong gia đình cả về vật chất và tinh thần. Nó vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ, vừa là một quyền lợi thiêng liêng giữa các thành viên trong gia đình. Trong xã hội hiện đại, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc của gia đình được xã hội quan tâm chia sẻ, xong không thể thay thế hoàn toàn sự chăm sóc, nuôi dưỡng của gia đình.

Các quan hệ này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và biến đổi, phát triển phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế và thể chế chính trị - xã hội.

Như vậy, *gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền, nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.*

**2. Vị trí của gia đình trong xã hội**

*a. Gia đình là tế bào của xã hội*

- Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Với việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người, gia đình như một tế bào tự nhiên, là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được.

- Mức độ tác động của gia đình với xã hội phụ thuộc vào bản chất của từng chế độ xã hội, vào đường lối, chính sách của giai cấp cầm quyền và phụ thuộc vào chính bản thân mô hình, kết cấu, đặc điểm của mỗi hình thức gia đình trong lịch sử.

- Chỉ khi con người được yên ấm, hòa thuận trong gia đình thì mới có thể yên tâm lao động, sáng tạo và đóng góp sức mình cho xã hội và ngược lại. Vì vậy, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình cho tốt.

*b) Mỗi gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên*

Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển. Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội. Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình, cá nhân mới tìm thấy bình yên, hạnh phúc, có động lực để phấn đấu trở thành con người xã hội tốt.

*c) Gia đình là cầu nối giữa cá nhân và xã hội*

- Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành nhân cách của từng người. Chỉ trong gia đình, mới thể hiện được quan hệ tình cảm thiêng liêng, sâu đậm giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, anh chị em với nhau mà không cộng đồng nào có thể có được và thay thế.

- Mỗi cá nhân không chỉ là thành viên của gia đình mà còn là thành viên của xã hội. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình đồng thời cũng là quan hệ giữa các thành viên của xã hội. Không có cá nhân bên ngoài gia đình, cũng không thể có cá nhân bên ngoài xã hội. Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên đáp ứng nhu cầu quan hệ xã hội của mỗi cá nhân. Gia đình cũng chính là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội.

- Gia đình cũng là một trong những cộng đồng để xã hội tác động đến cá nhân. Nhiều thông tin, hiện tượng của xã hội thông qua lăng kính gia đình mà tác động tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển của mỗi cá nhân về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách... Nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi cá nhân được thực hiện với sự hợp tác của các thành viên trong gia đình.

**3. Chức năng cơ bản của gia đình**

*a. Chức năng tái sản xuất ra con người*

- Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của dân tộc.

- Việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người diễn ra trong từng gia đình, nhưng không chỉ việc riêng của gia đình mà là vấn đề xã hội. Bởi vì, thực hiện chức năng này quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động của một quốc gia và quốc tế, một yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội. Thực hiện chức năng này liên quan chặt chẽ đến sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, tùy theo từng nơi, phụ thuộc vào nhu cầu của xã hội, chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích. Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lực lao động mà gia đình cung cấp.

*b. Chức năng nuôi dưỡng giáo dục*

- Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. Các gia đình có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng này có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi người.

- Với chức năng này, gia đình góp phần to lớn vào việc đào tạo thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của xã hội, cung cấp và nâng cao chất lượng nguồn lao động để duy trì sự trường tồn của xã hội, đồng thời mỗi cá nhân từng bước được xã hội hóa. Vì vậy, giáo dục của gia đình gắn liền với giáo dục của xã hội.

- Thực hiện tốt chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, đòi hỏi mỗi người làm cha, làm mẹ phải có kiến thức cơ bản, tương đối toàn diện về mọi mặt, văn hóa, học vấn, đặc biệt là phương pháp giáo dục.

*c. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng*

- Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như các sinh hoạt trong gia đình. Đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên cùng với việc sử dụng quỹ thời gian nhàn dỗi để tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhằm nâng cao sức khỏe, đồng thời để duy trì sở thích, sắc thái riêng của mỗi người.

- Thực hiện chức năng này, gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của các thành viên trong gia đình. Hiệu quả hoạt động kinh tế của gia đình quyết định hiệu quả đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên, đồng thời gia đình đóng góp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất, sự giàu có của xã hội. Gia đình có thể phát huy một cách có hiệu quả mọi tiềm năng của gia đình về vốn, về sức lao động, tay nghề của người lao động, tăng nguồn của cải vật chất cho gia đình và xã hội. Thực hiện tốt chức năng này, không những tạo cho gia đình có có cơ sở để tổ chức tốt đời sống, nuôi dạy con cái, mà còn đóng góp to lớn đối với sự phát triển của xã hội.

*d. Chức năng thỏa mãn tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình*

Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cần bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên, gia đình có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của xã hội. Khi quan hệ tình cảm gia đình rạn nứt, quan hệ tình cảm trong xã hội cũng có nguy cơ bị phá vỡ.

=> Ngoài những chức năng trên, gia đình còn chức năng văn hóa, chức năng chính trị… Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình. Gia đình không chỉ là nơi lưu giữ mà còn là nơi sáng tạo và hưởng thụ những giá trị văn hóa của xã hội. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó. Gia đình là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước và công dân.

**2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá dộ lên chủ nghĩa xã hội**

**1. Cơ sở kinh tế - xã hội**

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi của quan hệ sản xuất mới là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất. Nguồn gốc của sự áp bức bóc lột và bất bình đẳng trong xã hội và gia đình dần được xóa bỏ, tạo cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ trong xã hội.

**2. Cơ sở chính trị - xã hội**

- Thiết lập chính quyền nhà nước của giai cáp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền làm chủ của mình không có sự phân biệt nam nữ. Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đè nặng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

- Nhà nước xã hôi chủ nghĩa với tính cách là cơ sở của việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội… Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**3. Cơ sở văn hóa**

- Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước được hình thành và dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước được xóa bỏ.

- Sự phát triển của hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cũng cung cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức, nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**4. Chế độ hôn nhân tiến bộ**

*- Hôn nhân tự nguyện*

+ Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

+ Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Tuy nhiên, hôn nhân tiến bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nhất định cho xã hội, cho cả vợ, chồng và đặc biệt là con cái. Vì vậy, cần ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn việc lợi dụng quyền ly hôn và những lý do ích kỷ hoặc vì mục đích vụ lợi.

*- Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng*

+ Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm sinh lý, tình cảm, đạo đức con người.

+ Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng. Trong đó vợ và chồng đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi vấn đề của cuộc sống gia đình.

+ Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ với con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau. Nếu như cha mẹ có nghĩa vụ yêu thương con cái, ngược lại, con cái cũng có nghĩa vụ biết ơn, kính trọng, nghe lời dạy bảo của cha mẹ. Tuy nhiên, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em sẽ có những mâu thuẫn không thể tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác, nhu cầu, sở thích riêng của mỗi người. Do vậy, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề cần được mọi người quan tâm, chia sẻ.

*- Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý*

+ Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân.

+ Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn những cá nhân lợi dụng quyền tự do kết hôn, tự do ly hôn để thỏa mãn những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc cá nhân và gia đình. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

**III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

**1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

- Gia đình Việt Nam hiện nay có thể được coi là *“gia đình quá độ”* trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

- Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai thế hệ cùng chung sống: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có số ít gia đình đơn thân, nhưng phổ biến nhất vẫn là loại gia đình hạt nhân quy mô nhỏ.

- Sự bình đẳng giữa nam và nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Sự biến đổi của gia đình cho thấy chính nó đang làm chức năng tích cực, thay đổi chính bản thân gia đình và cũng là thay đổi hệ thống xã hội, làm cho xã hội trở nên thích nghi và phù hợp hơn với tình hình mới, thời đại mới.

=> Quá trình biến đổi này cũng gây những phản chức năng tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc giữ gìn tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình, các thành viên ít quan tâm lo lắng đến nhau và giao tiếp với nhau hơn, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rời rạc.

**2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình**

*a. Chức năng tái sản xuất ra con người*

Nếu như trước kia, do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng. Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chỉ là các yếu tố có con hay không có con, có con trai hay không có con trai như gia đình truyền thống.

*b. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng*

- Đến nay kinh tế gia đình có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt: *Thứ nhất*, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội. *Thứ hai,* từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

- Hiện nay, kinh tế gia đình đang trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh sản xuất hàng hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trog việc chuyển sang hướng sản xuất kinh doanh hàng hóa theo hướng chuyên sâu trong kinh tế thị trường hiện đại. Nguyên nhân do kinh tế gia đình phần lớn có quy mô nhỏ, lao động ít và tự sản xuất là chính.

- Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các gia đình Việt Nam đang tiến tới tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra, tức là sử dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

*c. Chức năng giáo dục (xã hội hóa)*

- Trong xã hội Việt Nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho gia đình. Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục của xã hội mới là tiếp tục nhấn mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng.

- Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo dức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

- Sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển kinh tế hiện nay, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm. Nhưng sự gia tăng của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và trong nhà trường, làm cho sự kỳ vọng và niềm tin của các bậc cha mẹ vào hệ thống giáo dục xã hội trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho con em của họ giảm đi rất nhiều so với trước đây.

*d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm*

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, nhưng hiện nay, các gia đình đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong tương lai gần, khi mà tỷ lệ các gia đình chỉ có một con tăng lên thì đời sống tâm lý - tình cảm của nhiều trẻ em và kể cả người lớn cũng sẽ kém phong phú hơn, do thiếu đi tình cảm về anh, chị em trong cuộc sống gia đình. Bên cạnh đó, cần phải thay đổi tâm lý truyền thống về vai trò của con trai, tạo dựng quan hệ bình đẳng giữa con trai và con gái trong trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ già và thờ phụng tổ tiên...

**3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình**

- Dưới tác động của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ hiện đại, toàn cầu hóa... hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức, biến đổi lớn khiến cho các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng - gia đình lỏng lẻo; gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn. Đồng thời xuất hiện nhiều bi kịch, thảm án gia đình, người già cô đơn, trẻ em sống ích kỷ, bạo hành trong gia đình, xâm hại tình dục…Từ đó dẫn tới hệ lụy là giá trị truyền thống trong gia đình bị coi nhẹ, kiểu gia đình truyền thống bị phá vỡ, lung lay và hiện tượng gia tăng số hộ gia đình đơn thân, độc thân, kết hôn đồng tính, sinh con ngoài giá thú… Ngoài ra sức ép từ cuộc sống hiện đại (công việc căng thẳng, không ổn định, di chuyển nhiều…) cũng khiến cho hôn nhân trở nên khó khăn với nhiều người trong xã hội.

- Không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài mô hình người đàn ông - người chồng làm chủ gia đình ra còn có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại. Đó là mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình. Người chủ gia đình được quan niệm là người có những phẩm chất, năng lực và đóng góp vượt trội, được các thành viên trong gia đình coi trọng. Ngoài ra, mô hình người chủ gia đình phải là người kiếm ra nhiều tiền cho thấy một đòi hỏi mới về phẩm chất của người lãnh đạo gia đình trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế.

- Quan hệ giữa các thế hệ cũng như các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình cũng không ngừng biến đổi. Trong gia đình truyền thống, con cái, cháu, chắt sinh ra lớn lên dưới sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường, mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, người cao tuổi trong gia đình truyền thống thường sống cùng với con cháu, cho nên nhu cầu về tâm lý, tình cảm được đáp ứng đầy đủ. Còn khi quy mô gia đình bị biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn thiếu thốn về tình cảm.

**4. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

*Thứ nhất,* tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay, coi đây là một trong những động lực quan trọng quyết định thành công sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung, mục tiêu của công tác xây dựng và phát triển gia đình và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình kế hoạch công tác hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

*Thứ hai,* đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình

Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội để góp phần củng cố, ổn định phát triển kinh tế gia đình; có chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình cho các gia đình liệt sỹ, gia đình thương binh bệnh binh, gia đình các dân tộc ít người, gia đình nghèo, gia đình đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Có chính sách kịp thời hỗ trợ các gia đình phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới, sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, hỗ trợ các gia đình tham gia sản xuất phục vụ xuất khẩu.

Tích cực khai thác và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình vay vốn ngắn hạn và dài hạn nhằm xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mở rộng phát triển kinh tế, đẩy mạnh loại hình kinh tế trang trại, vươn lên làm giàu chính đáng.

*Thứ ba,* kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay

Gia đình truyền thống được hun đúc từ lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới gia đình ấy bộc lộ cả những mặt tích cực và tiêu cực. Do vậy, Nhà nước cũng như các cơ quan văn hóa, các ban ngành liên quan cần phải xác định, duy trì những nét đẹp có ích; đồng thời, tìm ra những hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ. Xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay là xây dựng mô hình gia đình hiện đại, phù hợp với tiên trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam hiện nay vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp cảu gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

*Thứ tư,* tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa

Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiến bộ, một danh hiệu hay một chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn hướng đến. Đó là, gia đình ấm no, hòa thuận, tiến bộ, khỏe mạnh và hạnh phúc; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; thực hiện kế hoạch hóa gia đình; đoàn kết tượng trợ trong cộng đồng dân cư.

Để phát triển gia đình Việt Nam hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những giá trị mới tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình.

Các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa phải phù hợp và có ý nghĩa thiết thực với đời sống của nhân dân, công tác bình xét danh hiệu gia đình văn hóa phải được tiến hành theo tiêu chí thống nhất, trên nguyên tắc công bằng, dân chủ, đáp ứng được nguyện vọng, tâm tư, tình cảm, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Phân tích vị trí, chức năng của gia đình?

2. Trình bày những cơ sở của gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

3. Những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

4. Trình bày một số phương hướng xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

1. V.I.Lênin, Toàn tập, Nxb. CTQG, 1974, tập 1, tr. 166. [↑](#footnote-ref-1)